

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 04/2015/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 01 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về quản lý hoạt động khoáng sản và bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 18/2013/QĐ-TTg ngày 29 tháng 3 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về cải tạo, phục hồi môi trường và ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 16/2012/TT-BTNMT ngày 29 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 430/QĐ-UBND ngày 25 tháng 01 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt quy hoạch khai thác và sử dụng khoáng sản rắn trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 8970/TTr-TNMT-QLTN ngày 08 tháng 12 năm 2014 và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Công văn số 5998/STP-VB ngày 29 tháng 10 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý hoạt động khoáng sản và bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, phường, xã, thị trấn, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hữu Tín

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Quy định về quản lý hoạt động khoáng sản và bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 04/2015/QĐ-UBND
ngày 15 tháng 01 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định chi tiết việc quản lý, bảo vệ khoáng sản và hoạt động khoáng sản; hoạt động nạo vét kết hợp tận thu khoáng sản; việc cải tạo, phục hồi môi trường và ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Những căn cứ pháp lý đã được dẫn chiếu trong quy định khi có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế sẽ được áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế; những nội dung không nêu trong Quy định này được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với cơ quan Nhà nước thực hiện nhiệm vụ quản lý Nhà nước về khoáng sản và các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài (gọi chung là tổ chức, cá nhân) có liên quan đến hoạt động khoáng sản trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. *Khoáng sản* là khoáng vật, khoáng chất có ích được tích tụ tự nhiên ở thể rắn, thể lỏng, thể khí tồn tại trong lòng đất, trên mặt đất, bao gồm cả khoáng vật, khoáng chất ở bãi thải của mỏ.

2. *Khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường* bao gồm danh mục các loại khoáng sản được quy định tại Khoản 1, Điều 64 Luật Khoáng sản.

3. *Hoạt động khoáng sản* bao gồm hoạt động thăm dò và hoạt động khai thác khoáng sản.

4. *Thăm dò khoáng sản* là hoạt động nhằm xác định trữ lượng, chất lượng khoáng sản và các thông tin khác phục vụ khai thác khoáng sản.

5. *Khai thác khoáng sản* là hoạt động nhằm thu hồi khoáng sản, bao gồm xây dựng cơ bản mỏ, khai đào, phân loại, làm giàu và các hoạt động khác có liên quan.

6. *Khai thác tận thu* là hoạt động khai thác khoáng sản còn lại ở bãi thải của mỏ đã có quyết định đóng cửa mỏ;

7. *Nạo vét kết hợp tận thu khoáng sản* là hoạt động khai thông luồng lạch, điều chỉnh dòng chảy, kể cả việc đào ao hồ, cải tạo mặt bằng đất để canh tác mà sản phẩm là khoáng sản.

Điều 4. Những hành vi bị cấm

1. Lợi dụng hoạt động khoáng sản xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

2. Lợi dụng thăm dò để khai thác khoáng sản.

3. Thực hiện điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, hoạt động khoáng sản khi chưa được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép.

4. Cản trở trái pháp luật hoạt động điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, hoạt động khoáng sản.

5. Cung cấp trái pháp luật thông tin về khoáng sản thuộc bí mật nhà nước.

6. Cố ý hủy hoại mẫu vật địa chất, khoáng sản có giá trị hoặc quý hiếm.

7. Các hành vi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Đấu giá quyền khai thác khoáng sản

Việc tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản thực hiện theo Mục 2, Chương IX Luật Khoáng sản và Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

Điều 6. Cải tạo, phục hồi môi trường và ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản

Việc tổ chức phê duyệt đề án Cải tạo, phục hồi môi trường và ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản thực hiện theo Quyết định số 18/2013/QĐ-TTg ngày 29 tháng 3 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về

cải tạo, phục hồi môi trường và ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản.

Điều 7. Khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình

Việc khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình được thực hiện theo Điều 65, Luật Khoáng sản. Khối lượng khoáng sản do khai thác ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình được đầu tư bằng ngân sách của Thành phố, thì được các ngành chức năng tính toán giá trị và trình Ủy ban nhân dân Thành phố trừ vào nguồn cấp vốn.

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân thăm dò, khai thác, khai thác tận thu khoáng sản

1. Tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản có các quyền sau đây:

a) Sử dụng thông tin về khoáng sản liên quan đến mục đích thăm dò và khu vực thăm dò;

b) Tiến hành thăm dò theo Giấy phép thăm dò khoáng sản;

c) Chuyển ra ngoài khu vực thăm dò, kể cả ra nước ngoài các loại mẫu vật với khối lượng, chủng loại phù hợp với tính chất, yêu cầu phân tích, thử nghiệm theo đề án thăm dò đã được chấp thuận;

d) Được ưu tiên cấp Giấy phép khai thác khoáng sản đối với trữ lượng khoáng sản đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày Giấy phép thăm dò khoáng sản hết hạn;

đ) Đề nghị gia hạn, trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản;

e) Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản;

g) Khiếu nại, khởi kiện quyết định thu hồi Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc quyết định khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

h) Quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản có các nghĩa vụ sau đây:

a) Nộp lệ phí cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản, nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;

b) Thực hiện đúng Giấy phép thăm dò khoáng sản, đề án thăm dò khoáng sản đã được chấp thuận;

c) Báo cáo cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép xem xét, chấp thuận trong trường hợp thay đổi phương pháp thăm dò hoặc thay đổi khối lượng thăm dò có chi phí lớn hơn 10% dự toán;

d) Bồi thường thiệt hại do hoạt động thăm dò gây ra;

đ) Thông báo kế hoạch thăm dò cho Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân quận - huyện nơi thăm dò khoáng sản trước khi thực hiện;

e) Thu thập, lưu giữ thông tin về khoáng sản và báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản cho cơ quan quản lý nhà nước về khoáng sản; báo cáo các hoạt động khác cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

g) Trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày Giấy phép thăm dò khoáng sản chấm dứt hiệu lực. Tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản phải di chuyển toàn bộ tài sản của mình và của các bên liên quan ra khỏi khu vực thăm dò; san lấp công trình thăm dò, bảo vệ tài nguyên khoáng sản, phục hồi môi trường, đất đai; giao nộp mẫu vật, thông tin về khoáng sản đã thu thập được cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về khoáng sản;

h) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân quận - huyện và phường - xã, thị trấn tổ chức cắm mốc ranh giới khu vực thăm dò; quản lý mốc ranh giới trong suốt thời gian thực hiện thăm dò;

i) Nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

3. Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản có các quyền sau đây:

a) Sử dụng thông tin về khoáng sản liên quan đến mục đích khai thác và khu vực được phép khai thác;

b) Tiến hành khai thác khoáng sản theo Giấy phép khai thác khoáng sản;

c) Được thăm dò nâng cấp trữ lượng khoáng sản trong phạm vi diện tích, độ sâu được phép khai thác, nhưng phải thông báo khối lượng, thời gian thăm dò nâng cấp cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép trước khi thực hiện;

d) Cất giữ, vận chuyển, tiêu thụ và xuất khẩu khoáng sản đã khai thác theo quy định của pháp luật;

đ) Đề nghị gia hạn, trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản;

e) Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản;

g) Khiếu nại, khởi kiện quyết định thu hồi Giấy phép khai thác khoáng sản hoặc quyết định khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

h) Thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai phù hợp với dự án đầu tư khai thác khoáng sản, thiết kế mỏ đã được phê duyệt;

i) Quyền khác theo quy định của pháp luật.

4. Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản có các nghĩa vụ sau đây:

a) Nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, lệ phí cấp Giấy phép khai thác khoáng sản, thuế, phí và thực hiện các nghĩa vụ về tài chính khác theo quy định của pháp luật; Ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường trong hoạt động khoáng sản tại Quỹ Bảo vệ môi trường Thành phố;

b) Bảo đảm tiến độ xây dựng cơ bản mỏ và hoạt động khai thác xác định trong dự án đầu tư khai thác khoáng sản, thiết kế mỏ;

c) Đăng ký ngày bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, ngày bắt đầu khai thác với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép; gửi hồ sơ thiết kế mỏ, Đánh giá tác động môi trường kèm theo bản sao giấy phép khai thác và thông báo cho Ủy ban nhân dân các cấp nơi có mỏ trước khi thực hiện;

d) Khai thác tối đa khoáng sản chính, khoáng sản đi kèm; bảo vệ tài nguyên khoáng sản; thực hiện an toàn lao động, vệ sinh lao động và các biện pháp bảo vệ môi trường;

đ) Thu thập, lưu giữ thông tin về kết quả thăm dò nâng cấp trữ lượng khoáng sản và khai thác khoáng sản;

e) Báo cáo kết quả khai thác khoáng sản cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

g) Bồi thường thiệt hại do hoạt động khai thác khoáng sản gây ra;

h) Tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân khác tiến hành hoạt động nghiên cứu khoa học được Nhà nước cho phép trong khu vực khai thác khoáng sản;

i) Đóng cửa mỏ, phục hồi môi trường và đất đai khi Giấy phép khai thác khoáng sản chấm dứt hiệu lực;

k) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân quận -huyện và phường - xã, thị trấn tổ chức cắm mốc ranh giới khu vực khai thác; quản lý mốc ranh giới trong suốt thời gian thực hiện khai thác;

l) Nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

5. Tổ chức, cá nhân khai thác tận thu khoáng sản có quyền và nghĩa vụ như sau:

a) Tổ chức, cá nhân khai thác tận thu khoáng sản có các quyền quy định tại các Điểm b, d, đ, g, h và i Khoản 3, Điều này và không phải nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản;

b) Tổ chức, cá nhân khai thác tận thu khoáng sản có các nghĩa vụ nộp lệ phí cấp giấy phép, các khoản thuế, phí và thực hiện các nghĩa vụ về tài chính khác theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân khai thác, khai thác tận thu khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không phải xin giấy phép khai thác

1. Trước khi tiến hành khai thác, tổ chức, cá nhân được quyền khai thác phải đăng ký khu vực, công suất, khối lượng, phương pháp, thiết bị và kế hoạch khai thác tại Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố.

2. Tuân thủ đúng nội dung thỏa thuận cho khai thác, tận thu khoáng sản.

3. Thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật đối với khối lượng khoáng sản khai thác, tận thu được.

4. Thực hiện đúng các yêu cầu ghi trong Bản đăng ký cam kết bảo vệ môi trường, đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường, đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và đảm bảo an toàn lao động, an toàn giao thông đường thủy và trật tự an ninh trong quá trình khai thác.

5. Ghi chép đầy đủ kết quả hoạt động khai thác, chế biến, tiêu thụ và báo cáo định kỳ cho Sở Tài nguyên và Môi trường nơi hoạt động khai thác theo quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 34 Quy định này.

6. Ký quỹ phục hồi môi trường theo quy định và bồi thường thiệt hại nếu có do hoạt động khai thác gây ra.

7. Tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động nghiên cứu khoa học được Nhà nước cho phép trong khu vực khai thác.

8. Thực hiện các nghĩa vụ khác có liên quan theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Nghĩa vụ của các tổ chức, cá nhân hoạt động nạo vét luồng lạch kết hợp tận thu khoáng sản:

1. Đăng ký tận thu khoáng sản tại Sở Tài nguyên và Môi trường trước khi tiến hành nạo vét.

2. Công khai các giải pháp đảm bảo an toàn lòng sông, bờ sông; khoảng cách gần bờ, độ sâu đáy sông khu vực thực hiện nạo vét; thả phao xác định ranh giới khu vực nạo vét dọc bờ sông.

3. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, các sở ngành liên quan và Ủy ban nhân dân quận - huyện, phường - xã, thị trấn tổ chức cắm mốc quan trắc giám sát biến đổi đường bờ trong khu vực nạo vét; quản lý mốc quan trắc trong suốt thời gian thực hiện dự án.

4. Phải thực hiện quy trình nạo vét, vận chuyển sản phẩm về bãi tập kết theo đúng nội dung đã được Bộ Giao thông vận tải phê duyệt và Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt.

5. Trong quá trình thực hiện dự án, nếu phát hiện có hiện tượng sạt lở bờ sông, bờ kè, đê điều, cầu cống, biến đổi dòng chảy... phải dừng hoạt động nạo vét để đánh giá nguyên nhân và đề xuất giải pháp khắc phục. Chỉ được tiếp tục thực hiện hoạt động nạo vét khi có văn bản chấp thuận của Ủy ban nhân dân Thành phố.

6. Công khai thông tin nội dung đăng ký sản phẩm nạo vét, mặt cắt ngang lòng sông khu vực nạo vét trước và sau khi thực hiện dự án.

7. Phải đo độ sâu khu vực khai thác theo định kỳ 03 tháng/lần với sự tham gia của Sở Tài nguyên và Môi trường, các ngành chức năng và Ủy ban nhân dân quận - huyện, phường - xã, thị trấn nơi có hoạt động khai thác;

8. Đóng thuế tài nguyên đối với khối lượng khoáng sản tận thu trong quá trình thực hiện dự án nạo vét.

Điều 11. Nghĩa vụ của các tổ chức, cá nhân hoạt động khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường

1. Các tổ chức, cá nhân hoạt động khoáng sản trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp phép phải đăng ký tại Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố kế hoạch hoạt động, gửi kèm theo tất cả các hồ sơ liên

quan đến hoạt động khoáng sản đã được cấp phép. Báo cáo định kỳ hoạt động khoáng sản theo quy định tại Điểm a, Khoản 1 Điều 34 Quy định này.

2. Thực hiện các quy định khác của pháp luật.

Chương II

NGUYÊN TẮC VÀ ĐIỀU KIỆN CẤP PHÉP HOẠT ĐỘNG KHOÁNG SẢN

Điều 12. Khai thác, khai thác tận thu khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không phải xin giấy phép khai thác

1. Khai thác trong diện tích đất của dự án đầu tư xây dựng công trình đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc cho phép đầu tư mà sản phẩm khai thác chỉ được sử dụng cho xây dựng công trình đó.

2. Khai thác trong diện tích đất ở thuộc quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân để xây dựng các công trình của hộ gia đình, cá nhân trong diện tích đó.

3. Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường quy định tại Khoản 1 Điều này phải nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.

Điều 13. Nguyên tắc và điều kiện để được cấp giấy phép thăm dò khoáng sản

1. Việc cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản phải bảo đảm các nguyên tắc sau đây:

a) Giấy phép thăm dò khoáng sản chỉ được cấp ở khu vực không có tổ chức, cá nhân đang thăm dò hoặc khai thác khoáng sản hợp pháp và không thuộc khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản, khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia hoặc khu vực đang được điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản cùng loại với khoáng sản xin cấp giấy phép thăm dò;

b) Mỗi tổ chức, cá nhân được cấp không quá 05 Giấy phép thăm dò khoáng sản, không kể Giấy phép thăm dò khoáng sản đã hết hiệu lực; tổng diện tích khu vực thăm dò không quá 04 kilômét vuông (km²) ở đất liền, không quá 02 ki lô mét vuông (km²) ở vùng có mặt nước.

2. Tổ chức, cá nhân được cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản phải có đủ các điều kiện sau đây:

a) Được thành lập theo quy định của pháp luật; có người phụ trách kỹ thuật tốt nghiệp đại học chuyên ngành địa chất thăm dò, đã công tác thực tế trong thăm dò khoáng sản ít nhất 05 năm; có hiểu biết, nắm vững tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về thăm dò khoáng sản; có đội ngũ công nhân kỹ thuật chuyên ngành địa chất thăm dò, địa chất thủy văn, địa chất công trình, địa vật lý, khoan, khai đào và chuyên ngành khác có liên quan; có thiết bị, công cụ chuyên dùng cần thiết để thi công công trình thăm dò khoáng sản;

b) Được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền lựa chọn theo quy định hoặc trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò; nếu tổ chức, cá nhân không có đủ điều kiện hành nghề theo Điểm a, Khoản này thì phải có hợp đồng với tổ chức có đủ điều kiện hành nghề thăm dò khoáng sản;

c) Có đề án thăm dò phù hợp với quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản của Thành phố;

d) Có vốn chủ sở hữu ít nhất bằng 50% tổng vốn đầu tư thực hiện đề án thăm dò khoáng sản.

3. Hộ kinh doanh được phép thăm dò khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường khi có đủ điều kiện sau đây:

a) Được Ủy ban nhân dân Thành phố lựa chọn theo quy định hoặc trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản; có hợp đồng với tổ chức có đủ điều kiện hành nghề thăm dò khoáng sản để thực hiện đề án thăm dò;

b) Có đề án thăm dò phù hợp với quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản của Thành phố;

c) Có vốn chủ sở hữu ít nhất bằng 50% tổng vốn đầu tư thực hiện đề án thăm dò khoáng sản;

d) Diện tích khu vực xin thăm dò không quá 01 ha.

Điều 14. Nguyên tắc và điều kiện cấp Giấy phép khai thác khoáng sản

1. Việc cấp Giấy phép khai thác khoáng sản phải bảo đảm các nguyên tắc sau đây:

a) Giấy phép khai thác khoáng sản chỉ được cấp ở khu vực không có tổ chức, cá nhân đang thăm dò, khai thác khoáng sản hợp pháp và không thuộc khu vực

cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản và khu vực dự trữ khoáng sản;

b) Không chia cắt khu vực khoáng sản có thể đầu tư khai thác hiệu quả ở quy mô lớn để cấp Giấy phép khai thác khoáng sản cho nhiều tổ chức, cá nhân khai thác ở quy mô nhỏ.

2. Tổ chức, cá nhân được cấp Giấy phép khai thác khoáng sản phải có đủ các điều kiện sau đây:

a) Có dự án đầu tư khai thác khoáng sản ở khu vực đã thăm dò, phê duyệt trữ lượng phù hợp với quy hoạch khoáng sản đã được phê duyệt của Thành phố. Dự án đầu tư khai thác khoáng sản phải có phương án sử dụng nhân lực chuyên ngành, thiết bị, công nghệ, phương pháp khai thác tiên tiến phù hợp;

b) Có báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc bản cam kết bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

c) Có vốn chủ sở hữu ít nhất bằng 30% tổng số vốn đầu tư của dự án đầu tư khai thác khoáng sản.

3. Hộ kinh doanh được phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, khai thác tận thu khoáng sản khi có đủ điều kiện sau đây:

a) Có dự án đầu tư khai thác khoáng sản ở khu vực đã thăm dò và phê duyệt trữ lượng phù hợp với quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản của Thành phố. Dự án đầu tư khai thác khoáng sản phải có phương án sử dụng nhân lực chuyên ngành, thiết bị, công nghệ, phương pháp khai thác phù hợp;

b) Có bản cam kết bảo vệ môi trường được xác nhận theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

c) Có vốn chủ sở hữu ít nhất bằng 30% tổng số vốn đầu tư của dự án đầu tư khai thác khoáng sản;

d) Quy mô công suất khai thác không quá 3.000m³ sản phẩm là khoáng sản nguyên khai/năm.

Chương III
THÀNH PHẦN HỒ SƠ VÀ TRÌNH TỰ THỰC HIỆN
CẤP PHÉP HOẠT ĐỘNG KHOÁNG SẢN

MỤC 1
THÀNH PHẦN HỒ SƠ CẤP PHÉP HOẠT ĐỘNG
KHOÁNG SẢN

Điều 15. Hồ sơ cấp, gia hạn, trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản, trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản, chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản

1. Văn bản trong hồ sơ đề nghị cấp phép thăm dò khoáng sản được lập thành 01 bộ, theo hình thức sau:

a) Bản chính: Đơn đề nghị cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản (Mẫu số 03); bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản; đề án thăm dò khoáng sản (theo Mẫu số 01);

b) Bản chính hoặc bản sao có chứng thực: Bản cam kết bảo vệ môi trường đối với trường hợp thăm dò khoáng sản độc hại; văn bản xác nhận trúng đấu giá trong trường hợp đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản; giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; quyết định thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh tại Việt Nam trong trường hợp là doanh nghiệp nước ngoài; văn bản của ngân hàng nơi tổ chức, cá nhân đăng ký tài khoản giao dịch xác nhận về vốn chủ sở hữu.

2. Văn bản trong hồ sơ gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản được lập thành 01 bộ, theo hình thức sau:

a) Bản chính: Đơn đề nghị gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản (theo Mẫu số 04); báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đã thực hiện đến thời điểm đề nghị gia hạn và kế hoạch thăm dò khoáng sản tiếp theo; bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản;

b) Bản chính hoặc bản sao có chứng thực: các văn bản thực hiện nghĩa vụ liên quan đến hoạt động thăm dò tính đến thời điểm đề nghị gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản.

3. Văn bản trong hồ sơ trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản được lập thành 01 bộ, theo hình thức sau:

a) Bản chính: Đơn đề nghị trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản (Mẫu số 05); Giấy phép thăm dò khoáng sản; báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đã thực hiện đến thời điểm đề nghị

trả lại; bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản, kế hoạch thăm dò khoáng sản tiếp theo trong trường hợp trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò;

b) Bản chính hoặc bản sao có chứng thực: các văn bản thực hiện nghĩa vụ liên quan đến hoạt động thăm dò tính đến thời điểm đề nghị trả lại.

4. Văn bản trong hồ sơ chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản được lập thành 01 bộ, theo hình thức sau:

a) Bản chính: Đơn đề nghị chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản (Mẫu số 06); hợp đồng chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản; báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đến thời điểm đề nghị chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản;

b) Bản chính hoặc bản sao có chứng thực: các văn bản chứng minh việc tổ chức, cá nhân chuyển nhượng đã hoàn thành nghĩa vụ quy định tại các Điểm b, c, d và e Khoản 2 Điều 8 của Quy định này và đã thực hiện được ít nhất 50% dự toán của đề án thăm dò khoáng sản; giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản; quyết định thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh tại Việt Nam trong trường hợp tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng là doanh nghiệp nước ngoài.

Điều 16. Hồ sơ đề nghị phê duyệt trữ lượng khoáng sản

Văn bản trong hồ sơ đề nghị phê duyệt trữ lượng khoáng sản được lập thành 01 bộ, theo hình thức sau:

1. Bản chính: Đơn đề nghị phê duyệt trữ lượng khoáng sản (Mẫu số 14); báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản (Mẫu số 33), các phụ lục, bản vẽ và tài liệu nguyên thủy có liên quan; phụ lục luận giải chỉ tiêu tạm thời tính trữ lượng khoáng sản; biên bản nghiệm thu khối lượng, chất lượng công trình thăm dò khoáng sản đã thi công của tổ chức, cá nhân được cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản.

2. Bản chính hoặc bản sao có chứng thực: Đề án thăm dò khoáng sản đã được thẩm định và Giấy phép thăm dò khoáng sản.

3. Dữ liệu của tài liệu quy định tại Khoản 1 Điều này ghi trên đĩa CD (01 bộ).

Điều 17. Hồ sơ cấp, gia hạn, trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản, trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản, chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản

1. Văn bản trong hồ sơ đề nghị cấp phép khai thác khoáng sản được lập thành 01 bộ, theo hình thức sau:

a) Bản chính: Đơn đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản (Mẫu số 07); bản đồ khu vực khai thác khoáng sản (Mẫu số 16); dự án đầu tư khai thác khoáng sản kèm theo quyết định phê duyệt;

b) Bản chính hoặc bản sao có chứng thực: Quyết định phê duyệt trữ lượng khoáng sản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; văn bản xác nhận trúng đấu giá trong trường hợp đấu giá quyền khai thác khoáng sản tại khu vực đã có kết quả thăm dò; giấy chứng nhận đầu tư; báo cáo đánh giá tác động môi trường kèm theo quyết định phê duyệt hoặc bản cam kết bảo vệ môi trường kèm theo giấy xác nhận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền; giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; văn bản xác nhận có vốn chủ sở hữu ít nhất bằng 30% tổng số vốn đầu tư của dự án đầu tư khai thác khoáng sản.

2. Văn bản trong hồ sơ gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản được lập thành 01 bộ, theo hình thức sau:

a) Bản chính: Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản (Mẫu số 08); bản đồ hiện trạng khai thác mỏ tại thời điểm đề nghị gia hạn (Mẫu số 16); báo cáo kết quả hoạt động khai thác tính đến thời điểm đề nghị gia hạn (Mẫu số 28);

b) Bản chính hoặc bản sao có chứng thực: các văn bản chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ quy định tại các Điểm a, b, c, đ, e và g Khoản 4, Điều 8 của Quy định này tính đến thời điểm đề nghị gia hạn.

3. Văn bản trong hồ sơ trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản được lập thành 01 bộ, theo hình thức sau:

a) Bản chính: Đơn đề nghị trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản (Mẫu số 09); bản đồ hiện trạng khai thác mỏ tại thời điểm đề nghị trả lại (Mẫu số 16); Giấy phép khai thác khoáng sản; báo cáo kết quả khai thác khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị trả lại (Mẫu số 28); đề án đóng cửa mỏ trong trường hợp trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản (Mẫu số 02);

b) Bản chính hoặc bản sao có chứng thực: các văn bản chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ quy định tại các Điểm a, b, c, đ, e và g Khoản 4, Điều 8 của Quy định này tính đến thời điểm đề nghị trả lại.

4. Văn bản trong hồ sơ chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản được lập thành 01 bộ, theo hình thức sau:

a) Bản chính: Đơn đề nghị chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản (Mẫu số 10); hợp đồng chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, kèm theo bản kê giá trị tài sản chuyển nhượng; bản đồ hiện trạng khai thác mỏ tại thời điểm đề nghị chuyển nhượng (Mẫu số 16); báo cáo kết quả khai thác khoáng sản đến thời điểm đề nghị chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản (Mẫu số 28);

b) Bản chính hoặc bản sao có chứng thực: các văn bản chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ quy định tại các Điểm a, b, c, đ, e và g Khoản 4, Điều 8 của Quy định này tính đến thời điểm chuyển nhượng của tổ chức, cá nhân chuyển nhượng; giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đầu tư của tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản.

Điều 18. Hồ sơ cấp, gia hạn, trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản

1. Văn bản trong hồ sơ cấp phép khai thác tận thu khoáng sản được lập thành 01 bộ, theo hình thức sau:

a) Bản chính: Đơn đề nghị cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (Mẫu số 11); bản đồ khu vực khai thác tận thu khoáng sản (Mẫu số 16); dự án đầu tư khai thác khoáng sản kèm theo quyết định phê duyệt;

b) Bản chính hoặc bản sao có chứng thực: Giấy chứng nhận đầu tư; báo cáo đánh giá tác động môi trường kèm theo quyết định phê duyệt hoặc bản cam kết bảo vệ môi trường kèm theo giấy xác nhận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền; giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

2. Văn bản trong hồ sơ gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản được lập thành 01 bộ, theo hình thức sau:

a) Bản chính: Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (Mẫu số 12); báo cáo kết quả khai thác tận thu khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị gia hạn (Mẫu số 28);

b) Bản chính hoặc bản sao có chứng thực gồm: các văn bản chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ quy định tại các Điểm a, b, c, đ, e và g Khoản 4, Điều 8 của Quy định này tính đến thời điểm đề nghị gia hạn.

3. Văn bản trong hồ sơ trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản được lập thành 01 bộ, theo hình thức sau:

a) Bản chính: Đơn đề nghị trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (Mẫu số 13); Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản; báo cáo kết quả khai thác tận thu

khoáng sản tính đến thời điểm trả lại giấy phép (Mẫu số 28); đề án đóng cửa mỏ (Mẫu số 02);

b) Bản chính hoặc bản sao có chứng thực: các văn bản chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ quy định tại các Điểm a, b, c, đ, e và g Khoản 4, Điều 8 của Quy định này tính đến thời điểm đề nghị trả lại.

4. Văn bản trong hồ sơ đăng ký tận thu khoáng sản trong hoạt động nạo vét luồng lạch, được thành lập 01 bộ, theo hình thức như sau:

a) Văn bản đề nghị đăng ký sản phẩm tận thu nạo vét trong quá trình thực hiện dự án;

b) Tiến độ thực hiện dự án và các loại bản đồ: Bản đồ khoanh vị trí, tọa độ, diện tích, độ sâu thực hiện dự án theo quyết định phê duyệt dự án; bản đồ phân khu thực hiện dự án theo kế hoạch, tiến độ; Kết quả khảo sát địa hình đáy sông trước khi thực hiện dự án; Vị trí tập kết vật liệu tận thu trong quá trình nạo vét;

c) Giấy tờ liên quan đến các phương tiện, thiết bị tham gia nạo vét; bản kê khai số lượng thiết bị kèm theo công suất nạo vét và công suất vận chuyên;

d) Khối lượng, sản phẩm tận thu trong quá trình nạo vét; Tổng khối lượng sản phẩm dự kiến thu được theo từng loại và dự kiến theo kế hoạch; Mẫu sổ sách ghi chép sản lượng, loại sản phẩm nạo vét hàng ngày;

đ) Các biện pháp bảo đảm an toàn đáy sông, bờ sông, hoạt động giao thông thủy và bảo vệ môi trường; Báo cáo đánh giá tác động môi trường/Bản cam kết bảo vệ môi trường trong quá trình nạo vét;

e) Văn bản chấp thuận của Ủy ban nhân dân Thành phố cho phép đăng ký tận thu sản phẩm nạo vét.

Tổ chức, cá nhân nộp một (01) bộ hồ sơ tại Sở Tài nguyên và Môi trường và sao gửi 01 bộ hồ sơ cho Ủy ban nhân dân quận - huyện nơi thực hiện dự án để phối hợp theo dõi giám sát. Việc đăng ký được thực hiện 06 tháng/lần.

Điều 19. Hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản

Văn bản trong hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản được lập thành 01 bộ, theo hình thức sau:

1. Bản chính: Đơn đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản (Mẫu số 15); Giấy phép khai thác khoáng sản; đề án đóng cửa mỏ khoáng sản (Mẫu số 02); bản đồ hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản tại thời điểm đề nghị đóng cửa mỏ (Mẫu số 16).

2. Bản chính hoặc bản sao có chứng thực: các văn bản chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ quy định tại các Điểm a, b, c, đ, e và g Khoản 4, Điều 8 của quy định này tính đến thời điểm đề nghị đóng cửa mỏ.

Điều 20. Hồ sơ đề nghị phê duyệt Đề án cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản

1. Hồ sơ đề nghị phê duyệt đề án cải tạo, phục hồi môi trường được lập thành 01 bộ, theo hình thức sau:

a) Văn bản đề nghị thẩm định, phê duyệt Đề án;

b) 09 (chín) bản thuyết minh Đề án kèm theo các bản vẽ liên quan;

c) Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc Bản cam kết bảo vệ môi trường hoặc Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường hoặc Đề án bảo vệ môi trường kèm theo bản sao Quyết định phê duyệt hoặc giấy xác nhận (nếu có);

d) Dự án đầu tư khai thác khoáng sản kèm theo Quyết định phê duyệt dự án đầu tư, bản sao Giấy phép khai thác khoáng sản (nếu có).

2. Hồ sơ đề nghị phê duyệt đề án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung được lập thành 01 bộ, theo hình thức sau:

a) Văn bản đề nghị thẩm định, phê duyệt Đề án bổ sung;

b) 09 (chín) bản thuyết minh Đề án bổ sung kèm theo các bản vẽ liên quan;

c) Đề án, Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc Bản cam kết bảo vệ môi trường hoặc Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường hoặc Đề án bảo vệ môi trường kèm theo bản sao Quyết định phê duyệt hoặc giấy xác nhận;

d) Dự án đầu tư khai thác khoáng sản kèm theo bản sao Quyết định phê duyệt dự án đầu tư, bản sao Giấy phép khai thác khoáng sản (nếu có).

Nội dung Đề án cải tạo phục hồi môi trường và Đề án bổ sung được quy định tại Khoản 3, Điều 5, Quyết định số 18/2013/QĐ-TTg ngày 29 tháng 03 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ.

MỤC 2
TRÌNH TỰ THỰC HIỆN

Điều 21. Trình tự thực hiện thủ tục cấp phép thăm dò khoáng sản

1. Việc tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản ở khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thực hiện như sau:

a) Khi nhận được hồ sơ của tổ chức, cá nhân đầu tiên có nhu cầu thăm dò khoáng sản, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo công khai tên tổ chức, cá nhân đó, tên loại khoáng sản và vị trí khu vực đề nghị thăm dò khoáng sản tại trụ sở cơ quan và trên trang thông tin điện tử của cơ quan có thẩm quyền cấp phép;

Thời gian tiếp nhận và thông báo về hồ sơ đề nghị thăm dò khoáng sản của các tổ chức, cá nhân khác là 30 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị thăm dò khoáng sản của tổ chức, cá nhân đầu tiên;

b) Hết thời gian nêu tại Điểm a Khoản này, cơ quan tiếp nhận không tiếp nhận hồ sơ và tiến hành lựa chọn tổ chức, cá nhân để cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản;

Thời gian lựa chọn tổ chức, cá nhân để cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản là 05 ngày làm việc, kể từ ngày hết thời hạn thông báo quy định tại điểm a khoản này.

c) Hết thời hạn quy định tại Điểm b Khoản này, trường hợp lựa chọn được hồ sơ của tổ chức, cá nhân để cấp phép thăm dò, cơ quan tiếp nhận ban hành văn bản tiếp nhận hồ sơ và thông báo công khai tên tổ chức, cá nhân được lựa chọn tại trụ sở cơ quan và trên trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép.

Đối với các tổ chức, cá nhân không được lựa chọn để cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị thăm dò khoáng sản về lý do không được lựa chọn.

2. Việc tiếp nhận hồ sơ đề nghị thăm dò khoáng sản của tổ chức, cá nhân trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản tại khu vực chưa thăm dò khoáng sản được thực hiện như sau:

a) Tổ chức, cá nhân trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản nộp hồ sơ đề nghị thăm dò khoáng sản cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ;

b) Trong thời gian không quá 02 ngày làm việc, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra văn bản, tài liệu có trong hồ sơ. Trường hợp văn bản, tài liệu đáp ứng đúng theo quy định thì cơ quan tiếp nhận ban hành văn bản tiếp nhận hồ sơ.

3. Trường hợp hồ sơ đề nghị thăm dò chưa đầy đủ văn bản, tài liệu theo quy định hoặc đủ nhưng nội dung văn bản, tài liệu trong hồ sơ chưa bảo đảm đúng theo quy định của pháp luật thì cơ quan tiếp nhận hướng dẫn bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị thăm dò khoáng sản bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Việc hướng dẫn, yêu cầu bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ của cơ quan tiếp nhận chỉ thực hiện một lần.

Điều 22. Trình tự thẩm định đề án thăm dò khoáng sản

1. Thẩm định hồ sơ đề nghị thăm dò khoáng sản được thực hiện như sau:

Trong thời gian không quá 10 ngày, kể từ ngày có văn bản tiếp nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận có trách nhiệm hoàn thành các công việc sau:

a) Kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị thăm dò khoáng sản kể cả kiểm tra thực địa;

b) Gửi đề án thăm dò khoáng sản để lấy ý kiến góp ý của một số chuyên gia thuộc lĩnh vực chuyên sâu và gửi văn bản lấy ý kiến đến các cơ quan có liên quan về khu vực đề nghị thăm dò khoáng sản;

Trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày nhận được đề án thăm dò khoáng sản và văn bản xin ý kiến của cơ quan tiếp nhận hồ sơ, các cơ quan được lấy ý kiến và các chuyên gia được lấy ý kiến góp ý có trách nhiệm trả lời bằng văn bản các ý kiến và các góp ý về các vấn đề có liên quan.

c) Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến góp ý của các chuyên gia và ý kiến của các cơ quan liên quan. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm tổng hợp các ý kiến góp ý và gửi kèm theo hồ sơ đề nghị thăm dò khoáng sản cho Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định việc thông qua nội dung đề án thăm dò khoáng sản để cấp phép hoặc thành lập Hội đồng thẩm định trong trường hợp cần thiết.

Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa đề án thăm dò khoáng sản theo ý kiến của Ủy ban nhân dân Thành phố hoặc ý kiến của Hội đồng thẩm định, cơ quan tiếp nhận hồ sơ gửi văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép thăm dò thông báo nêu rõ lý do chưa thông qua đề án hoặc những nội dung cần bổ sung, hoàn thiện đề án thăm dò khoáng sản.

Thời gian tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép thăm dò bổ sung, hoàn thiện hoặc lập lại đề án thăm dò khoáng sản không tính vào thời gian thẩm định đề án thăm dò khoáng sản.

2. Việc trình hồ sơ cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản thực hiện như sau:

a) Trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày hoàn thành các công việc quy định tại Khoản 1 Điều này, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ cấp phép thăm dò cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép;

b) Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của cơ quan tiếp nhận, cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép quyết định việc cấp hoặc không cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản. Trong trường hợp không cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3. Trả kết quả hồ sơ cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản từ cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định.

Điều 23. Trình tự thực hiện thủ tục cấp phép khai thác khoáng sản

1. Việc tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản được thực hiện như sau:

a) Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản nộp hồ sơ đề nghị khai thác cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ;

b) Trong thời gian không quá 02 ngày làm việc, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra văn bản, tài liệu có trong hồ sơ. Trường hợp văn bản, tài liệu trong hồ sơ bảo đảm đúng quy định thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ ban hành văn bản tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp hồ sơ đề nghị khai thác khoáng sản chưa đầy đủ văn bản, tài liệu theo quy định hoặc đủ nhưng nội dung văn bản, tài liệu trong hồ sơ chưa bảo đảm đúng theo quy định của pháp luật thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị khai thác khoáng sản bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Việc ban hành văn bản hướng dẫn, yêu cầu bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ của cơ quan tiếp nhận hồ sơ chỉ thực hiện một lần.

2. Thẩm định hồ sơ cấp Giấy phép khai thác khoáng sản:

a) Trong thời gian không quá 25 ngày, kể từ ngày có văn bản tiếp nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị khai thác khoáng sản và kiểm tra thực địa;

b) Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành công việc quy định tại Điểm a Khoản này, cơ quan tiếp nhận hồ sơ gửi văn bản xin ý kiến đến các cơ quan có liên quan về việc cấp Giấy phép khai thác khoáng sản;

Trong thời gian không quá 20 ngày kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của cơ quan tiếp nhận hồ sơ, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề liên quan. Sau thời hạn nêu trên mà không có văn bản trả lời thì được xem như cơ quan được lấy ý kiến đã đồng ý.

c) Trong thời gian không quá 35 ngày, cơ quan tiếp nhận hồ sơ phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến việc khai thác khoáng sản và xác định tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.

3. Việc trình hồ sơ cấp Giấy phép khai thác khoáng sản thực hiện như sau:

a) Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành các công việc quy định tại Khoản 2 Điều này, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ cấp phép cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép;

b) Trong thời hạn không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của cơ quan tiếp nhận hồ sơ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép quyết định việc cấp hoặc không cấp Giấy phép khai thác khoáng sản. Trong trường hợp không cấp phép thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

4. Thông báo và trả kết quả hồ sơ cấp Giấy phép khai thác khoáng sản

Trong thời gian không quá 15 ngày, kể từ khi nhận được hồ sơ từ cơ quan có thẩm quyền cấp phép, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định.

Điều 24. Trình tự thực hiện thủ tục cấp phép khai thác tận thu khoáng sản

1. Việc tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản được thực hiện như sau:

a) Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản nộp hồ sơ đề nghị khai thác cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ;

b) Trong thời gian không quá 02 ngày làm việc, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra văn bản, tài liệu có trong hồ sơ. Trường hợp văn bản, tài liệu theo đúng quy định thì cơ quan tiếp nhận ban hành văn bản tiếp nhận hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ đề nghị khai thác tận thu khoáng sản chưa đủ văn bản, tài liệu theo quy định hoặc đủ nhưng nội dung văn bản, tài liệu trong hồ sơ chưa bảo đảm đúng theo quy định của pháp luật thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Việc ban hành văn bản hướng dẫn, yêu cầu bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ của cơ quan tiếp nhận hồ sơ chỉ thực hiện một lần.

2. Thẩm định hồ sơ cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản:

a) Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày có văn bản tiếp nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị khai thác tận thu khoáng sản và kiểm tra thực địa;

b) Trong thời gian không quá 15 ngày, cơ quan tiếp nhận hồ sơ phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến khu vực đề nghị khai thác tận thu khoáng sản.

3. Việc trình hồ sơ cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản thực hiện như sau:

a) Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành các công việc quy định tại Khoản 2 Điều này, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ cấp phép cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép;

b) Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của cơ quan tiếp nhận, cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép quyết định việc cấp hoặc không cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản. Trong trường hợp không cấp giấy phép thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

4. Trả kết quả hồ sơ cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản:

Trong thời gian 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ cấp phép khai thác tận thu khoáng sản từ cơ quan có thẩm quyền cấp phép, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định.

Điều 25. Trình tự thực hiện thủ tục gia hạn, chuyển nhượng, trả lại một phần diện tích, trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản, Giấy phép khai thác khoáng sản; gia hạn, trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản

1. Việc tiếp nhận hồ sơ thực hiện như sau:

a) Tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn, chuyển nhượng, trả lại một phần diện tích, trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản, Giấy phép khai thác khoáng sản; gia hạn, trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản nộp hồ sơ cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ;

b) Trong thời gian không quá 02 ngày làm việc, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra văn bản, tài liệu có trong hồ sơ. Trường hợp văn bản, tài liệu theo đúng quy định thì cơ quan tiếp nhận ban hành văn bản tiếp nhận hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ văn bản, tài liệu theo quy định hoặc đủ nhưng nội dung văn bản, tài liệu trong hồ sơ chưa bảo đảm đúng theo quy định thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Việc hướng dẫn, yêu cầu bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ của cơ quan tiếp nhận hồ sơ chỉ thực hiện một lần.

2. Việc thẩm định hồ sơ thực hiện như sau:

a) Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày có văn bản tiếp nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị gia hạn, chuyển nhượng, trả lại một phần diện tích, trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản, Giấy phép khai thác khoáng sản; không quá 03 ngày đối với trường hợp gia hạn, trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, kể cả kiểm tra thực địa;

b) Trong thời gian không quá 30 ngày, cơ quan tiếp nhận hồ sơ phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến gia hạn, chuyển nhượng, trả lại một phần diện tích, trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản, Giấy phép khai thác khoáng sản; không quá 05 ngày làm việc đối với trường hợp gia hạn, trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

3. Trình hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền cấp phép:

a) Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành các công việc quy định tại Khoản 2 Điều này, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép;

b) Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của cơ quan tiếp nhận hồ sơ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép quyết định việc cho phép hoặc không cho phép gia hạn, chuyển nhượng, trả lại một phần diện tích, trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản, Giấy phép khai thác khoáng sản; không quá 03 ngày trong trường hợp gia hạn, trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản. Trong trường hợp không cho phép thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

4. Trả kết quả giải quyết hồ sơ:

Trong thời gian không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn, chuyển nhượng, trả lại một phần diện tích, trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản, Giấy phép khai thác khoáng sản; không quá 02 ngày làm việc, đối với trường hợp gia hạn, trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản để nhận kết quả.

Điều 26. Trình tự thực hiện thủ tục phê duyệt trữ lượng khoáng sản

1. Tiếp nhận hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản:

a) Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản trực tiếp tại Sở Tài nguyên và Môi trường;

b) Trong thời gian không quá 02 ngày làm việc, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ. Trường hợp văn bản, tài liệu đúng quy định thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt trữ lượng nộp phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản theo quy định. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ ban hành văn bản tiếp nhận hồ sơ ngay sau khi tổ chức, cá nhân hoàn thành nghĩa vụ nộp phí thẩm định phê duyệt trữ lượng khoáng sản.

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ văn bản, tài liệu theo quy định hoặc nội dung văn bản, tài liệu trong hồ sơ chưa bảo đảm đúng theo quy định thì cơ quan tiếp nhận hướng dẫn bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Việc hướng dẫn, yêu cầu bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ của cơ quan tiếp nhận chỉ thực hiện một lần.

2. Việc kiểm tra báo cáo trữ lượng khoáng sản thực hiện như sau:

a) Trong thời gian không quá 30 ngày, kể từ ngày có văn bản tiếp nhận, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra toàn bộ hồ sơ tài liệu báo cáo; kiểm tra thực địa khu vực thăm dò khoáng sản, mẫu lõi khoan, hào, giếng trong trường hợp xét thấy cần thiết;

b) Trong thời gian không quá 60 ngày, kể từ ngày kết thúc công việc nêu tại Điểm a Khoản này, cơ quan tiếp nhận hồ sơ gửi báo cáo kết quả thăm dò đến các chuyên gia thuộc các lĩnh vực chuyên sâu để lấy ý kiến góp ý về các nội dung có liên quan trong báo cáo thăm dò khoáng sản hoặc thành lập Hội đồng tư vấn kỹ thuật nếu thấy cần thiết. Thời gian trả lời của các chuyên gia không quá 20 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

Trường hợp xét thấy cần thiết phải thành lập Hội đồng tư vấn kỹ thuật thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố để xem xét, quyết định. Thời gian không quá 20 ngày từ khi thành lập Hội đồng tư vấn kỹ thuật đến khi kết thúc phiên họp Hội đồng tư vấn kỹ thuật.

Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được các ý kiến góp ý của các chuyên gia hoặc khi kết thúc phiên họp Hội đồng tư vấn kỹ thuật, cơ quan tiếp nhận hồ sơ phải hoàn thành biên bản tổng hợp ý kiến góp ý của các chuyên gia hoặc biên bản họp Hội đồng tư vấn kỹ thuật.

3. Việc thẩm định báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản và phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong báo cáo thăm dò được thực hiện như sau:

a) Trong thời gian không quá 30 ngày, kể từ ngày kết thúc công việc quy định tại Điểm b, Khoản 2, Điều này; cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm tổng hợp ý kiến của các chuyên gia và chuẩn bị hồ sơ, tài liệu để trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định;

Trường hợp báo cáo không đạt yêu cầu để trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo bằng văn bản, nêu rõ lý do để tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt trữ lượng khoáng sản bổ sung, hoàn chỉnh báo cáo, kèm theo biên bản tổng hợp ý kiến góp ý của các chuyên gia hoặc biên bản họp Hội đồng tư vấn kỹ thuật.

Thời gian tổ chức, cá nhân đang hoàn chỉnh báo cáo trữ lượng khoáng sản không tính vào thời gian thẩm định báo cáo.

b) Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình phê duyệt trữ lượng khoáng sản của cơ quan tiếp nhận hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền phê duyệt trữ lượng khoáng sản ban hành quyết định phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản.

4. Trả kết quả phê duyệt trữ lượng khoáng sản

Trong thời gian 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt trữ lượng khoáng sản, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt trữ lượng đến nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ khác có liên quan.

Điều 27. Trình tự thủ tục thực hiện phê duyệt đề án Cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản

1. Thẩm quyền thẩm định, phê duyệt Đề án quy định như sau:

a) Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định Đề án cải tạo, phục hồi môi trường đối với các dự án khai thác khoáng sản trên địa bàn thuộc đối tượng phải lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 18 của Nghị định số 29/2011/NĐ-CP;

b) Ủy ban nhân dân quận - huyện tổ chức thẩm định Đề án cải tạo, phục hồi môi trường đối với các dự án khai thác khoáng sản trên địa bàn thuộc đối tượng phải làm Cam kết bảo vệ môi trường theo quy định tại Khoản 1 Điều 29 của Nghị định số 29/2011/NĐ-CP.

2. Cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt Đề án bổ sung là cơ quan thẩm định, phê duyệt Đề án.

3. Việc thẩm định Đề án hoặc Đề án bổ sung được thực hiện thông qua hội đồng thẩm định. Hội đồng thẩm định có chức năng, nhiệm vụ giúp cơ quan có thẩm quyền phê duyệt xem xét tính đúng đắn, hợp lệ về cơ sở pháp lý, phương án cải tạo, phục hồi môi trường, khoản tiền ký quỹ trong Đề án hoặc Đề án bổ sung.

4. Đối tượng lập Đề án và Đề án bổ sung

Mọi tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động khai thác khoáng sản phải lập Đề án trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, phê duyệt. Cụ thể gồm các đối tượng sau:

4.1. Các đối tượng sau phải lập Đề án cải tạo, phục hồi môi trường:

a) Tổ chức, cá nhân lập hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản;

b) Tổ chức, cá nhân đang khai thác khoáng sản nhưng chưa có Dự án cải tạo, phục hồi môi trường được phê duyệt theo quy định hoặc chưa ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường.

4.2. Các đối tượng sau phải lập Đề án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung:

a) Tổ chức, cá nhân đề nghị điều chỉnh nội dung Giấy phép khai thác khoáng sản về diện tích, độ sâu, công suất khai thác;

b) Tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản;

c) Tổ chức, cá nhân đề nghị thay đổi phương án cải tạo, phục hồi môi trường so với Đề án đã được phê duyệt.

4.3. Các trường hợp sau không phải lập Đề án:

a) Tổ chức, cá nhân đang khai thác khoáng sản đã có Dự án cải tạo, phục hồi môi trường được phê duyệt và đã ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường theo đúng quy định;

b) Tổ chức, cá nhân khai thác vật liệu xây dựng thông thường theo quy định tại Khoản 2 Điều 64 của Luật Khoáng sản.

5. Quy trình thẩm định như sau:

5.1. Đề án của tổ chức, cá nhân có dự án đầu tư khai thác khoáng sản thuộc đối tượng lập báo cáo đánh giá tác động môi trường thì thẩm định cùng với báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định tại Nghị định số 29/2011/NĐ-CP.

5.2. Đề án của tổ chức, cá nhân có dự án khai thác khoáng sản thuộc đối tượng lập bản cam kết bảo vệ môi trường, được thẩm định như sau:

a) Trong thời hạn 05 (năm) ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đề nghị thẩm định, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thẩm định tiến hành rà soát, xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân biết để hoàn thiện hồ sơ;

b) Sau khi nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thẩm định tổ chức họp Hội đồng thẩm định; thông báo bằng văn bản về kết quả thẩm định cho tổ chức, cá nhân biết; trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày tổ chức họp Hội đồng thẩm định, tổ chức, cá nhân phải chỉnh sửa, hoàn thiện Đề án hoặc Đề án bổ sung và gửi lại cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thẩm định để xem xét, phê duyệt;

c) Trong quá trình xem xét nội dung chỉnh sửa, hoàn thiện Đề án hoặc Đề án bổ sung theo kết quả họp hội đồng thẩm định, cơ quan thẩm định có thể thông báo bằng văn bản hoặc gửi văn bản điện tử cho tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản để yêu cầu tiếp tục chỉnh sửa, bổ sung trong trường hợp Đề án hoặc Đề án bổ sung chưa đáp ứng được yêu cầu;

d) Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ khi nhận được hồ sơ đã hoàn chỉnh, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ra quyết định phê duyệt Đề án hoặc Đề án bổ sung;

đ) Sau khi ban hành quyết định phê duyệt Đề án hoặc Đề án bổ sung, cơ quan phê duyệt phải chứng thực vào mặt sau trang phụ bìa; gửi cho tổ chức, cá nhân và các đơn vị liên quan.

6. Thời hạn thẩm định Đề án hoặc Đề án bổ sung như sau:

a) Thời hạn thẩm định tối đa là 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ. Đối với những dự án phức tạp về cải tạo, phục hồi môi trường, thời hạn thẩm định là 45 (bốn mươi lăm) ngày;

b) Trong trường hợp cần thiết, cơ quan thẩm định kiểm tra thực địa trước khi tổ chức thẩm định. Thời gian khảo sát và thời gian hoàn chỉnh lại hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định.

Điều 28. Trình tự thực hiện thủ tục đóng cửa mỏ

1. Thời gian thẩm định, phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản không quá 60 (sáu mươi) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

2. Tiếp nhận hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản:

a) Tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản nộp hồ sơ đề nghị phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản cho Sở Tài nguyên và Môi trường. Thành phần, số lượng hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản thực hiện theo quy định tại Điều 33 của Quy định này;

b) Trong thời gian không quá 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận kiểm tra văn bản, tài liệu có trong hồ sơ. Trường hợp văn bản, tài liệu có trong hồ sơ bảo đảm đúng quy định thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ ban hành văn bản tiếp nhận hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ văn bản, tài liệu theo quy định hoặc đủ nhưng nội dung văn bản, tài liệu có trong hồ sơ chưa bảo đảm đúng theo quy định của pháp luật thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ.

3. Thẩm định đề án đóng cửa mỏ khoáng sản:

a) Trong thời gian không quá 28 (hai tám) ngày làm việc, kể từ ngày có văn bản tiếp nhận, cơ quan tiếp nhận hồ sơ phải hoàn thành việc: xem xét hồ sơ; tổ chức kiểm tra tại thực địa; lấy ý kiến nhận xét, phản biện của các chuyên gia về đề án đóng cửa mỏ khoáng sản;

Trong thời gian không quá 15 (mười lăm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của cơ quan tiếp nhận hồ sơ, tổ chức, cá nhân được gửi lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề có liên quan;

b) Trong thời gian không quá 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến nhận xét, phản biện của các chuyên gia, cơ quan tiếp nhận hồ sơ tổng hợp ý kiến góp ý, lập tờ trình trình Ủy ban nhân dân Thành phố;

c) Trong thời gian không quá 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày ban hành quyết định thành lập Hội đồng thẩm định đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, Chủ tịch Hội đồng phải tổ chức phiên họp Hội đồng;

d) Trong thời gian không quá 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc phiên họp của Hội đồng thẩm định, cơ quan tiếp nhận hoàn thành biên bản họp Hội đồng thẩm định. Trường hợp phải bổ sung, hiệu chỉnh để hoàn thiện đề án hoặc phải lập lại đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, cơ quan tiếp nhận gửi văn bản thông báo nêu rõ lý do chưa thông qua đề án hoặc những nội dung cần bổ sung, hoàn thiện đề án kèm theo bản sao biên bản họp Hội đồng thẩm định;

Thời gian tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản bổ sung, hoàn thiện hoặc lập lại đề án không tính vào thời gian thẩm định;

đ) Nội dung thẩm định đề án đóng cửa mỏ khoáng sản thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 Nghị định số 15/2012/NĐ-CP.

4. Phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản:

a) Trường hợp đề án đóng cửa mỏ khoáng sản được thông qua, trong thời gian không quá 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành biên bản họp Hội đồng thẩm định, cơ quan tiếp nhận hoàn chỉnh và trình hồ sơ phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản cho Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt đề án đóng cửa mỏ;

b) Trong thời hạn không quá 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản quyết định phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản;

c) Trong thời gian không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ khi nhận được quyết định phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định.

5. Nghiệm thu kết quả thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản:

a) Tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản sau khi hoàn thành các hạng mục và khối lượng công việc đóng cửa mỏ theo đề án đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt có văn bản báo cáo kết quả thực hiện đề án gửi Sở Tài nguyên và Môi trường;

b) Trong thời gian không quá 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản của tổ chức, cá nhân, cơ quan tiếp nhận hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan tiến hành kiểm tra thực địa và nghiệm thu kết quả thực hiện đề án đóng cửa mỏ.

Kết quả kiểm tra thực địa và nghiệm thu được thể hiện bằng văn bản.

6. Quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản:

a) Trong thời gian không quá 05 (năm) ngày làm việc, kể từ khi kết thúc nghiệm thu kết quả thực hiện đề án đóng cửa mỏ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ hoàn thiện hồ sơ trình cơ quan có thẩm quyền cấp phép hoạt động khoáng sản quyết định đóng cửa mỏ. Hồ sơ trình quyết định đóng cửa mỏ được quy định như sau:

- Đơn đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản của tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản kèm theo bản sao Giấy phép khai thác khoáng sản;

- Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản kèm theo Quyết định phê duyệt của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; báo cáo kết quả thực hiện đề án đóng cửa mỏ của tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản;

- Biên bản kiểm tra thực địa và kết quả nghiệm thu đề án đóng cửa mỏ khoáng sản của cơ quan tiếp nhận hồ sơ;

- Dự thảo quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản.

b) Trong thời hạn không quá 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của cơ quan tiếp nhận, cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản;

c) Trong thời gian không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ khi nhận được quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản từ cơ quan có thẩm quyền, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định.

Điều 29. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản

Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan tiếp nhận hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản đối với các loại khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và than bùn thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân Thành phố.

Điều 30. Hình thức tiếp nhận, trả kết quả hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản

1. Hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản được gửi trực tiếp hoặc bằng bưu điện đến Sở Tài nguyên và Môi trường.

Hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản được nộp trực tiếp tại Sở Tài nguyên và Môi trường.

2. Việc trả kết quả được thực hiện trực tiếp tại Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 31. Thời hạn của giấy phép

1. Giấy phép thăm dò khoáng sản có thời hạn không quá 48 tháng và có thể được gia hạn nhiều lần, nhưng tổng thời gian gia hạn không quá 48 tháng; mỗi lần gia hạn, tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản phải trả lại ít nhất 30% diện tích khu vực thăm dò khoáng sản theo giấy phép đã cấp.

Thời hạn thăm dò khoáng sản bao gồm thời gian thực hiện đề án thăm dò khoáng sản, thời gian trình phê duyệt trữ lượng khoáng sản và thời gian lập dự án đầu tư khai thác khoáng sản; trường hợp chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản cho tổ chức, cá nhân khác thì thời hạn thăm dò là thời gian còn lại của Giấy phép thăm dò khoáng sản đã cấp trước đó.

2. Giấy phép khai thác khoáng sản có thời hạn không quá 30 năm và có thể được gia hạn nhiều lần, nhưng tổng thời gian gia hạn không quá 20 năm.

Trường hợp chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản cho tổ chức, cá nhân khác thì thời hạn khai thác là thời gian còn lại của Giấy phép khai thác khoáng sản đã cấp trước đó.

Điều 32. Thu hồi giấy phép hoạt động khoáng sản

1. Giấy phép thăm dò khoáng sản bị thu hồi trong các trường hợp sau đây:

a) Sau 06 tháng, kể từ ngày giấy phép có hiệu lực, tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản không tiến hành thăm dò, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản vi phạm một trong các nghĩa vụ quy định tại các Điểm a, b, c, d, đ và e Khoản 2, Điều 8 của Quy định này mà không khắc phục trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về khoáng sản có thông báo bằng văn bản;

c) Khu vực được phép thăm dò khoáng sản bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản hoặc khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản.

2. Giấy phép khai thác khoáng sản bị thu hồi trong các trường hợp sau đây:

a) Vùng khai thác mới phát hiện có khoáng sản khác có giá trị cao hơn;

b) Mở khai thác nằm trong khu quy hoạch mới là đất nông nghiệp, đất rừng phòng hộ;

c) Hoạt động khai thác gây tác động xấu đến môi trường sinh thái, cảnh quan khu vực, làm hư hại các công trình công cộng, cơ sở hạ tầng, di tích văn hóa, lịch sử, các công trình quốc phòng và địa hình có giá trị quân sự.

3. Thu hồi giấy phép tận thu khoáng sản:

Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản bị thu hồi trong các trường hợp sau đây:

a) Tổ chức, cá nhân khai thác tận thu khoáng sản không thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Điểm b, Khoản 5 Điều 6 của Quy định này;

b) Khu vực khai thác tận thu khoáng sản bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản.

Khi Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản bị thu hồi hoặc hết hạn thì tổ chức, cá nhân khai thác tận thu khoáng sản phải di chuyển toàn bộ tài sản của mình ra khỏi khu vực khai thác, thực hiện công tác cải tạo, phục hồi môi trường.

Trường hợp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản bị thu hồi theo quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều này thì tổ chức, cá nhân khai thác tận thu khoáng sản được bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

Điều 33. Chấm dứt hiệu lực giấy phép hoạt động khoáng sản

1. Giấy phép hoạt động khoáng sản chấm dứt hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a) Giấy phép bị thu hồi;

b) Giấy phép hết hạn;

c) Giấy phép được trả lại;

d) Tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản giải thể hoặc phá sản.

2. Trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày Giấy phép thăm dò khoáng sản chấm dứt hiệu lực theo quy định tại các Điểm a, b và c Khoản 1 Điều này, tổ chức, cá

nhân thăm dò khoáng sản phải di chuyển toàn bộ tài sản của mình và của các bên liên quan ra khỏi khu vực thăm dò; san lấp công trình thăm dò, bảo vệ tài nguyên khoáng sản, phục hồi môi trường, đất đai; giao nộp mẫu vật, thông tin về khoáng sản đã thu thập được cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về khoáng sản. Quy định này không áp dụng đối với trường hợp tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản đang đề nghị gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc cấp Giấy phép khai thác khoáng sản.

3. Trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày Giấy phép khai thác khoáng sản chấm dứt hiệu lực theo quy định tại các Điểm a, b và c Khoản 1 Điều này, tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản phải thực hiện các nghĩa vụ có liên quan đến việc đóng cửa mỏ, cải tạo, phục hồi môi trường và đất đai theo quy định của Luật Khoáng sản và các quy định khác của pháp luật có liên quan; đồng thời di chuyển tài sản còn lại của mình và của các bên có liên quan ra khỏi khu vực khai thác khoáng sản; sau thời hạn này, tài sản còn lại thuộc sở hữu nhà nước.

Chương IV

CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ THANH KIỂM TRA HOẠT ĐỘNG KHOÁNG SẢN

Điều 34. Chế độ báo cáo trong hoạt động khoáng sản

1. Quy định về báo cáo định kỳ

a) Tổ chức, cá nhân được phép hoạt động khoáng sản có trách nhiệm báo cáo định kỳ 06 tháng/lần và hàng năm cho Sở Tài nguyên và Môi trường và cho Ủy ban nhân dân quận - huyện nơi thực hiện hoạt động khoáng sản. Thời hạn báo cáo 6 tháng đầu năm chậm nhất vào ngày 05 tháng 6 và báo cáo năm chậm nhất vào ngày 05 tháng 01 năm sau. Riêng các trường nạo vét kết hợp tận thu khoáng sản, báo cáo 03 tháng/lần;

Đối với tổ chức, cá nhân hoạt động khoáng sản theo giấy phép thuộc thẩm quyền cấp của Bộ Tài nguyên và Môi trường nộp báo cáo định kỳ như trên cho Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố.

b) Ủy ban nhân dân các quận - huyện có trách nhiệm báo cáo định kỳ 06 tháng/lần và hàng năm cho Sở Tài nguyên và Môi trường về tình hình kiểm tra hoạt động khoáng sản trên địa bàn mình quản lý;

Thời hạn báo cáo và chậm nhất ngày 05 tháng 6 (đối với báo cáo 6 tháng đầu năm) và ngày 05 tháng 01 năm sau (đối với báo cáo năm).

c) Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổng hợp báo cáo định kỳ 06 tháng/lần và hàng năm cho Ủy ban nhân dân Thành phố về tình hình hoạt động khoáng sản trên địa bàn Thành phố.

Thời hạn báo cáo và chậm nhất ngày 15 tháng 6 (đối với báo cáo 6 tháng đầu năm) và ngày 15 tháng 01 năm sau (đối với báo cáo năm) gửi về Bộ Tài nguyên và Môi trường (Tổng Cục Địa chất và khoáng sản Việt Nam).

2. Quy định về báo cáo đột xuất

Được thực hiện khi xảy ra tình huống đột xuất tại địa bàn quản lý của tổ chức, cá nhân hoạt động khoáng sản và của chính quyền địa phương hoặc khi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

3. Các biểu mẫu báo cáo đính kèm theo quy định này

a) Tổ chức, cá nhân báo cáo theo Mẫu số 27 đối với hoạt động thăm dò và Mẫu số 28 đối với hoạt động khai thác khoáng sản;

b) Sở Tài nguyên và Môi trường báo Ủy ban nhân dân Thành phố và Bộ Tài nguyên và Môi trường theo Mẫu số 29, 30, 31 và 32.

Điều 35. Thanh tra, kiểm tra hoạt động khoáng sản

1. Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành về tài nguyên khoáng sản. Giải quyết hoặc phối hợp với các sở, ngành liên quan giải quyết khiếu nại, tố cáo của tổ chức, cá nhân hoạt động khoáng sản theo thẩm quyền.

2. Thanh tra các sở, ngành, cơ quan có liên quan có trách nhiệm phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, thanh tra chuyên ngành đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động khoáng sản trên địa bàn Thành phố theo đúng quy định.

Điều 36. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân đối với hoạt động thanh, kiểm tra hoạt động khoáng sản

1. Cung cấp đầy đủ, kịp thời và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của Đoàn thanh tra và Thanh tra viên thi hành nhiệm vụ.

2. Tổ chức, cá nhân là đối tượng thanh tra phải chấp hành quyết định của Đoàn thanh tra hoặc Thanh tra viên chuyên ngành trong lĩnh vực hoạt động khoáng sản.

3. Nghiêm cấm cản trở các hoạt động kiểm tra, thanh tra về khoáng sản của người thi hành công vụ và cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 37. Nội dung thanh, kiểm tra hoạt động khoáng sản

1. Thanh, kiểm tra việc chấp hành theo các quy định về:

- a) Nội dung giấy phép hoạt động khoáng sản;
- b) Giữ gìn bí mật Nhà nước về tài nguyên khoáng sản;
- c) Bảo vệ và sử dụng hợp lý tài nguyên khoáng sản;
- d) Thực hiện nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân được phép hoạt động khoáng sản.

2. Phối hợp với Thanh tra Nhà nước về lao động và thanh tra chuyên ngành về bảo vệ môi trường để thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, thanh tra về an toàn lao động, vệ sinh lao động và bảo vệ môi trường trong hoạt động khoáng sản.

Điều 38. Giải quyết tranh chấp các hoạt động khoáng sản

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm giải quyết tranh chấp về quyền hoạt động khoáng sản phát sinh từ việc sử dụng các loại giấy phép hoạt động khoáng sản do Ủy ban nhân dân Thành phố cấp.

2. Trong trường hợp các bên liên quan không đồng ý với quyết định giải quyết tranh chấp của Sở Tài nguyên và Môi trường thì có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Chương V TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 39. Sở Tài nguyên và Môi trường

1. Là cơ quan giúp Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về tài nguyên khoáng sản trên địa bàn Thành phố.

2. Chủ trì, phối hợp với các sở ngành liên quan xây dựng và trình Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý, bảo vệ tài nguyên khoáng sản; hoạt động khoáng sản; đấu giá khai thác khoáng sản; xây dựng dựng đơn giá tính thuế tài nguyên cho các loại khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn Thành phố và các quy định khác về tài chính.

3. Giúp Ủy ban nhân dân Thành phố trong việc tổ chức xây dựng quy hoạch, kế hoạch quản lý tài nguyên khoáng sản, đảm bảo khai thác và sử dụng có hiệu quả nguồn khoáng sản phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội bền vững của Thành phố và bảo vệ tài nguyên môi trường.

4. Chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương, Sở Xây dựng trong việc lập, rà soát và điều chỉnh quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản; xác định khu vực đấu giá, không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân Thành phố.

5. Phối hợp với Sở Tài chính hướng dẫn tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản về tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, thủ tục ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường khi được cấp phép khai thác khoáng sản.

6. Cung cấp thông tin cho các sở ngành liên quan về quy hoạch khoáng sản, trữ lượng các mỏ khoáng sản; tài liệu và thông tin về tình hình cấp phép, gia hạn, thu hồi các loại giấy phép khảo sát, thăm dò, khai thác, khai thác tận thu khoáng sản, kết quả thực hiện việc đóng cửa mỏ khoáng sản (đề án và quyết định), khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản, chuyển nhượng quyền thăm dò, khai thác khoáng sản.

7. Là cơ quan đầu mối tiếp nhận và thẩm định hồ sơ, trình Ủy ban nhân dân Thành phố cấp giấy phép thăm dò, phê duyệt trữ lượng khoáng sản, cấp giấy phép khai thác, khai thác tận thu khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và than bùn, phê duyệt đề án đóng cửa mỏ.

8. Tổ chức đăng ký khối lượng tận thu khoáng sản trong hoạt động nạo vét luồng lạch; đăng ký khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không phải xin phép; tổ chức kiểm tra việc thực hiện sau giấy phép và xử lý hành vi vi phạm theo quy định.

9. Tiến hành kiểm tra công suất, khối lượng, thiết bị, kế hoạch khai thác do tổ chức cá nhân đăng ký và có văn bản thỏa thuận các nội dung đã đăng ký cho các tổ chức và cá nhân đối với các trường hợp khai thác không phải xin phép theo quy định tại Điều 9 của Quy định này.

10. Chịu trách nhiệm giao giấy phép cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép hoạt động khoáng sản, giấy đăng ký hoạt động khoáng sản theo quy định hoặc trả lời bằng văn bản về lý do giấy phép không được cấp.

11. Báo cáo đầy đủ cho Ủy ban nhân dân Thành phố và thông báo cho Ủy ban nhân dân quận - huyện biết để phối hợp quản lý đối với trường hợp tổ chức, cá nhân đăng ký khai thác khoáng sản.

12. Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân quận - huyện và các cơ quan hữu trách, cơ quan thuộc các tỉnh, thành phố giáp ranh trong công tác quản lý hoạt động khai thác khoáng sản từ khâu quy hoạch, cấp phép, kiểm tra việc thực hiện sau giấy phép.

13. Phối hợp với Công an Thành phố, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng Thành phố và Ủy ban nhân dân các quận - huyện kiểm tra xử lý các trường hợp khai thác khoáng sản trái phép.

14. Xây dựng quy chế phối hợp với các tỉnh giáp ranh trong việc kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm trong lĩnh vực khoáng sản.

15. Tuyên truyền, giáo dục và giám sát, kiểm tra việc thi hành pháp luật về khoáng sản đối với tổ chức, cá nhân ở địa phương.

16. Thực hiện các công việc khác theo quy định của pháp luật.

Điều 40. Sở Tài chính

1. Hướng dẫn Ủy ban nhân dân quận - huyện, các sở, ngành liên quan xây dựng kế hoạch và dự trù kinh phí hàng năm cho các đơn vị để tổ chức kiểm tra bảo vệ khoáng sản chưa khai thác, kiểm tra ngăn ngừa hoạt động khai thác khoáng sản trái phép.

2. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng đơn giá tính thuế tài nguyên cho các loại khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường.

3. Chủ trì phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân Thành phố quy định mức thu, quản lý và sử dụng tkinh phí đóng góp, hỗ trợ chi phí duy tu, nâng cấp, xây dựng hạ tầng kỹ thuật sử dụng trong khai thác khoáng sản và xây dựng công trình phúc lợi cho địa phương nơi có khoáng sản được khai thác.

4. Thực hiện các công việc khác theo quy định của pháp luật.

Điều 41. Sở Công Thương

1. Theo chức năng, nhiệm vụ phối hợp với các sở ngành liên quan tổ chức thanh tra, kiểm tra chặt chẽ các tổ chức, cá nhân hoạt động chế biến khoáng sản trên địa bàn Thành phố, đảm bảo thực hiện đúng các quy định trong hoạt động

trong lĩnh vực chế biến khoáng sản, thực hiện công tác thống kê, báo cáo định kỳ về công nghiệp khai thác mỏ và chế biến, xuất khẩu khoáng sản, kiểm tra các vấn đề liên quan dây chuyền công nghệ, thiết bị khai thác và các vấn đề trong hoạt động khai thác mỏ.

2. Có trách nhiệm tham gia ý kiến đối với Thiết kế cơ sở của các Dự án đầu tư xây dựng công trình mỏ khoáng sản thuộc nhóm B, C xây dựng tại địa phương theo quy định tại Thông tư số 33/2012/TT-BCT ngày 14 tháng 11 năm 2012 của Bộ Công Thương.

3. Thực hiện các công việc khác theo quy định của pháp luật.

Điều 42. Sở Xây dựng

1. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện thẩm định hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường; Xác định khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường.

2. Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan xây dựng định mức quy đổi từ sản phẩm nguyên khai ra thành phẩm sau chế biến đối với khoáng sản làm vật liệu xây dựng.

3. Xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch thăm dò, khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng, làm nguyên liệu sản xuất xi măng.

4. Tham gia ý kiến đối với thiết kế cơ sở của các Dự án đầu tư xây dựng công trình mỏ khoáng sản làm vật liệu xây dựng và vật liệu cho sản xuất xi măng thuộc nhóm B, C xây dựng tại Thành phố theo quy định tại Thông tư số 33/2012/TT-BCT ngày 14 tháng 11 năm 2012 của Bộ Công Thương.

5. Theo dõi, tổng hợp các dự án khai thác, chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng và vật liệu cho sản xuất xi măng trên địa bàn Thành phố.

6. Thực hiện các công việc khác theo quy định của pháp luật.

Điều 43. Cục Thuế Thành phố

1. Thông báo nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định.

2. Hướng dẫn, kiểm tra, xử lý việc đăng ký, kê khai và nộp các khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật.

Điều 44. Sở Giao thông vận tải

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra, xử lý việc đăng ký, đăng kiểm các phương tiện giao thông thủy phục vụ hoạt động khoáng sản, đặc biệt là các ghe, tàu có gắn thiết bị bơm hút cát.

2. Chủ trì phối với các sở ngành liên quan thẩm định dự án nạo vét luồng lạch có tận thu khoáng sản do Bộ Giao thông vận tải quản lý.

3. Chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan khảo sát, lập kế hoạch nạo vét các tuyến luồng thuộc thẩm quyền Thành phố quản lý có tận thu khoáng sản, đảm bảo phù hợp với quy hoạch. Xây dựng phương án sử dụng khoáng sản trong hoạt động nạo vét để phục vụ san lấp mặt bằng cho các dự án của thành phố có sử dụng ngân sách nhà nước.

4. Thực hiện các công việc khác theo quy định của pháp luật.

Điều 45. Sở Lao động-Thương binh và Xã hội

1. Phối hợp với các sở, ngành, cơ quan liên quan hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra, xử lý theo thẩm quyền hoặc tham mưu cho Ủy ban nhân dân Thành phố xử lý các hành vi vi phạm quy định về pháp luật về an toàn và vệ sinh lao động trong hoạt động khoáng sản;

2. Thực hiện các công việc khác theo quy định pháp luật.

Điều 46. Sở Kế hoạch và Đầu tư

1. Chủ trì phối hợp với các sở, ngành, cơ quan liên quan thẩm định trình Ủy ban nhân dân Thành phố cấp giấy chứng nhận đầu tư đối với các dự án khai thác khoáng sản có sử dụng ngân sách nhà nước.

2. Thực hiện các công việc khác theo quy định pháp luật.

Điều 47. Công an Thành phố

1. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân các quận - huyện tổ chức kiểm tra, xử lý các trường hợp khai thác khoáng sản trái phép trên địa bàn Thành phố. Đặc biệt là khai thác cát sỏi trái phép trên các sông rạch.

2. Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, tổ chức kiểm tra, ngăn chặn các hoạt động khai thác khoáng sản trái phép trên địa bàn Thành phố. Đặc biệt là hoạt động khai thác cát trái phép trên sông rạch.

Điều 48. Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng Thành phố

1. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc khoanh định các khu vực cấm hoạt động khoáng sản ở khu vực liên quan đến đất công trình an ninh, quốc phòng và khu vực phòng thủ của Thành phố.

2. Kiểm tra, thẩm định cho ý kiến đối với các hoạt động khoáng sản có liên quan đến an ninh, quốc phòng.

3. Theo chức năng và quyền hạn, tổ chức kiểm tra xử lý các trường hợp khai thác cát lậu, đặc biệt trên vùng biển Cần Giờ, khu vực giáp ranh với các tỉnh, thành phố.

4. Thực hiện các công việc khác theo quy định của pháp luật.

Điều 49. Ủy ban nhân dân quận - huyện

1. Tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về khoáng sản thuộc địa bàn mình quản lý.

2. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường cấm mốc, bàn giao khu vực khai thác mỏ cho các tổ chức, cá nhân được cấp phép.

3. Theo dõi, kiểm tra, giám sát, xử lý kịp thời theo thẩm quyền hoặc báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố xử lý kịp thời các hành vi vi phạm trong lĩnh vực khoáng sản theo quy định của pháp luật.

4. Chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị có liên quan theo dõi, tổng hợp, báo cáo định kỳ hoặc đột xuất khi có yêu cầu về tình hình hoạt động khoáng sản trên địa bàn cho Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

5. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) thực hiện các biện pháp bảo vệ khoáng sản chưa khai thác; huy động và chỉ đạo phối hợp các lực lượng trên địa bàn để giải tỏa, ngăn chặn hoạt động khoáng sản trái phép; bảo đảm an ninh, trật tự xã hội tại các khu vực có khoáng sản.

6. Giải quyết theo thẩm quyền các thủ tục giao đất, cho thuê đất, sử dụng cơ sở hạ tầng và các vấn đề khác có liên quan cho các tổ chức, cá nhân được phép thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản tại địa phương theo quy định của pháp luật.

7. Chỉ đạo các ban, ngành liên quan thuộc thẩm quyền tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về khoáng sản; xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

8. Phối hợp chặt chẽ với Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan hữu trách trong công tác quản lý hoạt động khai thác khoáng sản từ khâu quy hoạch, cấp phép, kiểm tra việc thực hiện sau giấy phép.

9. Chủ trì và phối hợp với Công an địa phương và các đơn vị liên quan, hàng năm xây dựng kế hoạch và tổ chức lực lượng và kiểm tra xử lý các trường hợp khai thác khoáng sản không phép và trái phép; giám sát quá trình phục hồi môi trường sau khi diễn ra các hoạt động khai thác khoáng sản và báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp báo cáo cho Ủy ban nhân dân Thành phố nhằm có biện pháp ngăn chặn suy thoái môi trường.

10. Kiểm tra xác nhận cam kết bảo vệ môi trường đối với các dự án phải lập cam kết bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

11. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố nếu để xảy ra các hành vi thăm dò, khai thác trái phép trên địa bàn quản lý.

Điều 50. Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn

1. Ủy ban nhân dân cấp xã trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phát hiện và ngăn chặn kịp thời các hoạt động khoáng sản trái phép; phối hợp với các cơ quan chức năng bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn.

2. Thực hiện các biện pháp quản lý, bảo vệ tài nguyên khoáng sản, môi trường, an toàn lao động trong hoạt động khoáng sản; bảo đảm an ninh, trật tự xã hội tại các khu vực có khoáng sản.

3. Giải quyết theo thẩm quyền các thủ tục cho thuê đất, cơ sở hạ tầng cho tổ chức, cá nhân thuê, sử dụng để thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản tại địa phương theo quy định của pháp luật.

4. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về khoáng sản; xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

5. Thường xuyên kiểm tra theo thẩm quyền, thông báo cho Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân quận - huyện biết để phối hợp xử lý các trường hợp hoạt động khai thác khoáng sản trái phép trên địa bàn, phối hợp các cơ quan liên quan kiểm tra các hoạt động khoáng sản, tham mưu Ủy ban nhân dân quận - huyện xử lý các hoạt động khai thác khoáng sản không phép, trái phép và các hành vi vi phạm về bảo vệ môi trường không thuộc thẩm quyền xử lý của Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn.

6. Chịu trách nhiệm báo cáo trước Ủy ban nhân dân quận - huyện về các hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn quản lý.

Điều 51. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các sở, ngành có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, phường - xã, thị trấn theo chức năng và nhiệm vụ chịu trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, Thủ trưởng các sở, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, phường - xã, thị trấn kịp thời báo cáo, đề xuất. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổng hợp và đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hữu Tín

PHỤ LỤC

**Mẫu đề án thăm dò khoáng sản, đề án đóng cửa mỏ khoáng sản;
mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép
hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản,
hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 04/2015/QĐ-UBND
ngày 15 tháng 01 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

Mẫu số	Tên Mẫu
Mẫu số 01	Đề án thăm dò khoáng sản
Mẫu số 02	Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản
Mẫu số 03	Đơn đề nghị cấp phép thăm dò khoáng sản
Mẫu số 04	Đơn đề nghị gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản
Mẫu số 05	Đơn đề nghị trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản (hoặc trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản)
Mẫu số 06	Đơn đề nghị chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản
Mẫu số 07	Đơn đề nghị cấp phép khai thác khoáng sản
Mẫu số 08	Đơn đề nghị gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản
Mẫu số 09	Đơn đề nghị trả lại giấy phép khai thác khoáng sản (hoặc trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản)
Mẫu số 10	Đơn đề nghị chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản
Mẫu số 11	Đơn đề nghị cấp phép khai thác tận thu khoáng sản
Mẫu số 12	Đơn đề nghị gia hạn giấy phép khai thác tận thu khoáng sản
Mẫu số 13	Đơn đề nghị trả lại giấy phép khai thác tận thu khoáng sản
Mẫu số 14	Đơn đề nghị phê duyệt trữ lượng khoáng sản
Mẫu số 15	Đơn đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản (đóng cửa một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản)
Mẫu số 16	Bản đồ hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản
Mẫu số 27	Báo cáo định kỳ hoạt động thăm dò khoáng sản
Mẫu số 28	Báo cáo định kỳ hoạt động khai thác khoáng sản
Mẫu số 29	Báo cáo công tác quản lý nhà nước về khoáng sản và tình hình hoạt động khoáng sản
Mẫu số 30	Bảng số liệu tổng hợp về tình hình cấp giấy phép thăm dò khoáng sản

	Bảng số liệu tổng hợp về hoạt động thăm dò khoáng sản (của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)
Mẫu số 31	Bảng số liệu tổng hợp về tình hình cấp giấy phép khai thác khoáng sản Bảng số liệu tổng hợp về hoạt động khai thác khoáng sản (của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)
Mẫu số 33	Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản
Mẫu số 35	Báo cáo kết quả thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản
Mẫu số 36	Phiếu tiếp nhận hồ sơ hoạt động khoáng sản
Mẫu số 37	Phiếu hẹn giải quyết hồ sơ hoạt động khoáng sản

(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị thăm dò khoáng sản)

ĐỀ ÁN THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

(tên loại khoáng sản, thuộc xã..., huyện..., tỉnh...)

Địa danh nơi lập đề án, Năm 20...

(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị thăm dò khoáng sản)

Danh sách tác giả lập Đề án:

- KSĐC... (Chủ biên)

- KS Trắc địa...

- KS ĐCTV-ĐCCT

- KS Khoan....

.....

ĐỀ ÁN THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

(tên loại khoáng sản, thuộc xã..., huyện..., tỉnh...)

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Chức danh)

ĐƠN VỊ LẬP ĐỀ ÁN

(Chức danh)

Chữ ký, đóng dấu

(Họ và tên)

Chữ ký, đóng dấu

(Họ và tên)

Địa danh nơi lập Đề án, Năm 20...

A. NỘI DUNG ĐỀ ÁN THĂM DÒ KHOÁNG SẢN MỞ ĐẦU

- Những căn cứ pháp lý để lập đề án và đối tượng khoáng sản.
- Mục tiêu, nhiệm vụ đề án.
- Sơ bộ về công nghệ khai thác, chế biến, tiêu thụ sản phẩm và hiệu quả kinh tế.
- Cơ sở tài liệu để lập đề án (nêu rõ và mô tả chi tiết những tài liệu đã có trước đây và tài liệu, kết quả khảo sát sử dụng lập đề án).
- Quá trình xây dựng đề án, tổ chức và các cá nhân tham gia lập đề án.

CHƯƠNG I ĐẶC ĐIỂM ĐỊA LÝ TỰ NHIÊN - KINH TẾ NHÂN VĂN

- Vị trí địa lý hành chính, tọa độ, diện tích của khu vực thăm dò.
- Các thông tin về đặc điểm địa lý tự nhiên - kinh tế, nhân văn.
- Lịch sử nghiên cứu địa chất và khoáng sản khu vực thăm dò. Các cơ sở khai thác, chế biến khoáng sản khoáng sản trong khu vực.
- Các kết quả nghiên cứu, điều tra, thăm dò khoáng sản liên quan đến diện tích lựa chọn thăm dò khoáng sản.

CHƯƠNG II ĐẶC ĐIỂM ĐỊA CHẤT, KHOÁNG SẢN

- Đặc điểm địa chất vùng bao quanh khu vực thăm dò: trình bày những nét chính về đặc điểm địa tầng, kiến tạo, macma, khoáng sản có trong vùng.
- Đặc điểm khoáng sản khu vực thăm dò, bao gồm:
 - + Các biểu hiện, dấu hiệu, tiền đề có liên quan đến khoáng sản.
 - + Quy mô, chất lượng và đặc điểm phân bố thân khoáng sản trong khu vực thăm dò.

CHƯƠNG III PHƯƠNG PHÁP, KHỐI LƯỢNG

1. Cơ sở lựa chọn phương pháp

- Các quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật áp dụng với đối tượng khoáng sản thăm dò.
- Cơ sở tài liệu, số liệu ban đầu về loại hình nguồn gốc và điều kiện thành tạo quặng; thành phần vật chất, mức độ phân bố quặng, điều kiện thi công làm cơ sở dự kiến phân nhóm mỏ theo mức độ phức tạp và lựa chọn mạng lưới công trình thăm dò với đối tượng khoáng sản.

- Đánh giá hiệu quả các phương pháp địa chất đã triển khai trong giai đoạn trước: những tồn tại, hạn chế.

- Đề xuất lựa chọn mạng lưới, tổ hợp phương pháp thăm dò.

2. Các phương pháp và khối lượng các dạng công trình

- Công tác trắc địa: bao gồm trắc địa địa hình và trắc địa công trình (tỷ lệ phụ thuộc vào diện tích và mục tiêu thăm dò).

- Phương pháp địa chất.
- Phương pháp địa hoá (tùy thuộc loại khoáng sản thăm dò).
- Phương pháp địa vật lý (tùy thuộc loại khoáng sản thăm dò).
- Thi công công trình khai đào (dọn vết lộ, hào, hồ, giếng), khoan.
- Công tác mẫu: lấy, gia công, phân tích các loại mẫu, dự kiến nơi gửi phân tích và cách thức kiểm tra chất lượng phân tích mẫu.
- Công tác địa chất thuỷ văn - địa chất công trình.
- Công tác nghiên cứu đặc tính công nghệ khoáng sản: mục đích, cách thức lấy mẫu nghiên cứu, yêu cầu nghiên cứu và dự kiến nơi nghiên cứu.
- Công tác văn phòng, lập báo cáo tổng kết.

Tất cả các dạng công tác nêu trên nhất thiết phải làm rõ mục đích yêu cầu, số lượng, khối lượng; cách thức thực hiện cụ thể cho từng hạng mục theo từng giai đoạn, từng năm thực hiện và lập bảng tổng hợp chung. Các công trình dự kiến thi công thể hiện trên các bản vẽ kỹ thuật, sơ đồ bố trí công trình.

CHƯƠNG IV

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ TÀI NGUYÊN KHOÁNG SẢN

- Dự báo các tác động đến môi trường và dự kiến biện pháp giảm thiểu khi thực hiện đề án thăm dò.

- Những biện pháp bảo vệ tài nguyên khoáng sản trong quá trình thi công đề án thăm dò.

CHƯƠNG V DỰ KIẾN PHƯƠNG PHÁP TÍNH TRỮ LƯỢNG

Trình bày dự kiến chỉ tiêu tính trữ lượng, phương pháp khoan vẽ thân quặng và dự tính trữ lượng các cấp dự kiến đạt được trong diện tích khu vực thăm dò.

CHƯƠNG VI TỔ CHỨC THI CÔNG

Dựa vào các căn cứ địa chất, kinh tế - kỹ thuật và phương pháp kỹ thuật, khối lượng đề ra trong đề án phải lập kế hoạch, tiến độ, thực hiện các dạng công tác phù hợp theo từng giai đoạn và tuân thủ theo đúng các quy trình, quy phạm, các quy định về chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật hiện hành. Thời gian thi công chỉ tính kể từ ngày cấp giấy phép thăm dò.

CHƯƠNG VII DỰ TOÁN KINH PHÍ

Ngoài các căn cứ và danh mục dự toán, khi lập dự toán cần nêu rõ nguồn vốn đầu tư, đơn giá sử dụng và khả năng đáp ứng để thực hiện đầy đủ các phương pháp kỹ thuật, khối lượng các dạng công tác. Dự toán kinh phí thăm dò phải được lập trên cơ sở các quy định hiện hành của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

KẾT LUẬN

- Dự kiến kết quả và hiệu quả kinh tế sẽ đạt được.
- Đặc điểm khoáng sản (kích thước, thể nằm và chất lượng trung bình quặng).
- Tính khả thi mục tiêu trữ lượng, thi công đề án.
- Các yêu cầu, kiến nghị.

B. PHẦN BẢN VẼ

- Bản đồ (sơ đồ) vị trí giao thông.
- Bản đồ địa chất vùng, bản đồ khu vực thăm dò và bản đồ thân khoáng sản (nếu có).
- Sơ đồ bố trí công trình và lấy mẫu.
- Sơ đồ lưới khống chế mặt phẳng và độ cao.
- Mặt cắt địa chất, khoáng sản thiết kế công trình thăm dò.
- Các bản vẽ bình đồ, mặt cắt dự kiến tính trữ lượng khoáng sản.
- Các biểu, bảng khác liên quan.

C. CÁC TÀI LIỆU KÈM THEO

- Tài liệu khảo sát trong quá trình lập đề án.
- Tài liệu thu thập, tổng hợp phục vụ cho lập đề án thăm dò.

(Tên tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản)

ĐỀ ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

(tên loại khoáng sản, thuộc xã..., huyện..., tỉnh...
ghi theo nội dung Giấy phép khai thác khoáng sản)

Địa danh nơi lập đề án, Năm 20...

(Tên tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản)

ĐỀ ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

(tên loại khoáng sản, thuộc xã..., huyện..., tỉnh...
ghi theo nội dung trong Giấy phép khai thác khoáng sản)

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
ĐƯỢC PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN
(Chức danh)

ĐƠN VỊ LẬP ĐỀ ÁN (nếu có)
(Chức danh)

Chữ ký, đóng dấu
(Họ và tên)

Chữ ký, đóng dấu
(Họ và tên)

Địa danh nơi lập đề án, Năm 20...

NỘI DUNG CHÍNH CỦA ĐỀ ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN MỞ ĐẦU

1. Cơ sở để lập đề án đóng cửa mỏ:

- Giấy phép khai thác khoáng sản số.....;
- Dự án đầu tư công trình khai thác mỏ.....được phê duyệt tại Quyết định số ngày.....tháng.....năm....., của.....;
- Thiết kế khai thác mỏ.....được phê duyệt tại Quyết định số.....ngày tháng năm 20... của.....;
- Báo cáo đánh giá tác động môi trường (Báo cáo ĐTM)/Dự án cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác mỏ.....được phê duyệt/xác nhận tại Văn bản số ngày.....tháng.....năm..... của.....;
- Các báo cáo định kỳ hoạt động khai thác khoáng sản năm.....(có phụ lục liệt kê kèm theo);
- Tập hợp bình đồ, mặt cắt hiện trạng được lập theo báo cáo định kỳ hoạt động khai thác khoáng sản hàng năm.....(có phụ lục liệt kê kèm theo);
- Các quy định của Bộ Xây dựng, UBND cấp tỉnh (nơi khai thác khoáng sản) về định mức, đơn giá công trình xây dựng.

2. Mục đích, nhiệm vụ công tác đóng cửa mỏ

2.1 Mục đích

Nêu mục đích của công tác đóng cửa mỏ (đóng cửa một phần diện tích khu vực khai thác hay đóng cửa toàn bộ khu vực khai thác), làm rõ:

- Đưa khu vực khai thác trở lại trạng thái an toàn (như: bạt độ dốc bờ mỏ kết thúc, sườn tầng kết thúc khai thác...đối với khai thác lộ thiên; hay phá hủy toàn phần hoặc đưa vật liệu chèn lấp từ mặt đất xuống khu vực kết thúc khai thác, xử lý các đường lò thông gió, đường lò vận chuyển, v.v...đối với trường hợp khai thác mỏ bằng phương pháp hầm lò v.v...).
- Cải tạo, phục hồi môi trường sau khai thác theo Dự án cải tạo phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản...đã duyệt và trả lại diện tích đất cho địa phương quản lý theo quy định của pháp luật về đất đai hay sử dụng cho mục đích khác ? v.v... Đối với mục tiêu đã lựa chọn cần trình bày rõ cơ sở pháp lý và thực tiễn để đạt được.

2.2 Nhiệm vụ

Nêu khái quát và liệt kê các nội dung nhiệm vụ cụ thể mà công tác đóng cửa mỏ phải đạt được theo mục đích nêu trên.

CHƯƠNG I ĐẶC ĐIỂM ĐỊA LÝ TỰ NHIÊN - KINH TẾ NHÂN VĂN

1. Đặc điểm địa lý, tự nhiên khu vực đóng cửa mỏ

Mô tả vị trí địa lý, tọa độ, ranh giới... của địa điểm thực hiện đề án đóng cửa mỏ. Điều kiện tự nhiên, hệ thống đường giao thông; hệ thống sông suối; đặc điểm địa hình..., điều kiện kinh tế - xã hội, dân cư và các đối tượng xung quanh khu vực khai thác khoáng sản.

2. Lịch sử khai thác mỏ

Nêu khái quát quá trình khai thác từ khi có Giấy phép khai thác khoáng sản đến thời điểm lập đề án đóng cửa mỏ, kể cả lịch sử khai thác trước khi có Giấy phép khai thác khoáng sản (nếu có).

CHƯƠNG II HIỆN TRẠNG KHU VỰC ĐÓNG CỬA MỎ

1. Tình hình tổ chức khai thác khoáng sản

Mô tả quá trình tổ chức khai thác khoáng sản theo Giấy phép khai thác khoáng sản, theo đó làm rõ một số nội dung sau:

1.1. Các thông số cơ bản của dự án đầu tư công trình khai thác mỏ

Nêu rõ các thông số của khu vực khai thác (tọa độ, diện tích, độ sâu, trữ lượng địa chất, trữ lượng huy động vào khai thác v.v...); các thông số hệ thống khai thác đã được tính toán, lựa chọn theo nội dung của Dự án đầu tư.

1.2. Các thông số cơ bản của thiết kế khai thác mỏ

Nêu rõ các thông số của khu vực khai thác tương tự như nội dung mục 1.1. Ngoài ra, nêu rõ có sự sai khác, lý do của sự sai khác về trữ lượng huy động vào thiết kế, các thông số kỹ thuật như đã nêu trên giữa Dự án đầu tư và thiết kế khai thác mỏ theo nội dung của thiết kế khai thác đã phê duyệt.

1.3. Kết quả tổ chức khai thác trong thực tế

Nêu rõ quá trình tổ chức khai thác theo Dự án đầu tư và thiết kế mỏ đã được phê duyệt, những vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác về điều kiện địa chất - mỏ, thay đổi về trữ lượng (tăng/giảm) lý do; những nội dung thay đổi so với thiết kế (nếu có) về công nghệ khai thác, thiết bị khai thác chính v.v... trong đó, làm rõ một số thông tin sau:

- Nêu khái quát về khu mỏ: tiến độ và khối lượng khai thác theo từng năm và toàn bộ thời gian khai thác, trữ lượng và tuổi thọ mỏ, chế độ làm việc;

- Thống kê chi tiết khối lượng mỏ đã thực hiện (bao gồm cả khoáng sản chính, khoáng sản đi kèm, đất đá bóc, đất đá thải ...) theo từng năm từ khi được cấp Giấy phép khai thác khoáng sản đến thời điểm đóng cửa mỏ; đặc biệt cần làm rõ hệ số tổn thất, làm nghèo khoáng sản thực tế hàng năm, sự (tăng/giảm) của hệ số tổn thất, làm nghèo khoáng sản so với Dự án đầu tư, Thiết kế mỏ đã duyệt. Trường hợp có sự sai khác (tăng/giảm) trữ lượng khai thác thực tế và trữ lượng khoáng sản huy động vào thiết kế phải nêu rõ nguyên nhân; kèm theo các tài liệu chứng minh số liệu đã nêu;

- Nêu phương pháp khai thác, quy trình khai thác, công nghệ sử dụng trong khai thác. Trình tự và hệ thống khai thác, các thông số của hệ thống khai thác; công tác vận tải trong và ngoài mỏ; thông tin về hệ thống bãi thải của mỏ (nếu có) về vị trí, dung tích, tổng khối lượng đất đá thải v.v....;

- Nêu quá trình tổ chức xây dựng các công trình bảo vệ môi trường, các công việc phục hồi môi trường từ khi bắt đầu khai thác đến khi kết thúc khai thác theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường/Bản cam kết bảo vệ môi trường hoặc Dự án cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

- Đánh giá về quá trình tổ chức khai thác.

2. Hiện trạng khu vực đề nghị đóng cửa mỏ

Nêu hiện trạng về các công trình phụ trợ khai thác mỏ (văn phòng, kho, sân bãi chứa đất đá, khoáng sản; đường xá, cầu cống v.v...); các công trình bảo vệ môi trường, công trình xử lý môi trường trong quá trình khai thác, cụ thể:

- Mô tả hiện trạng cấu tạo địa chất, mực nước ngầm tại khu vực khai thác khoáng sản dự kiến sẽ đóng cửa mỏ. Đánh giá, dự báo khả năng sụt lún, trượt lở, nứt gãy tầng địa chất, hạ thấp mực nước ngầm, nước mặt, sông, hồ; sự cố môi trường... trong quá trình khai thác và thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường;

- Trữ lượng khoáng sản được duyệt; trữ lượng khoáng sản được huy động vào thiết kế để khai thác, trữ lượng thực tế đã khai thác, tỷ lệ tổn thất, làm nghèo khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị đóng cửa mỏ; tổng khối lượng đất đá thải và hiện trạng các bãi thải tại thời điểm đề nghị đóng cửa mỏ (nếu có);

- Nêu đặc điểm hình, địa mạo của khu vực đề nghị đóng cửa mỏ;

- Hiện trạng mỏ tại thời điểm đề nghị đóng cửa mỏ: số lượng, khối lượng và mức độ an toàn các công trình mỏ (kể cả các bãi thải);

- Hiện trạng các công trình bảo vệ môi trường, phục hồi môi trường khu vực đã khai thác từ khi bắt đầu khai thác đến khi kết thúc khai thác theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường/Bản cam kết bảo vệ môi trường hoặc Dự án cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác đã duyệt.

Kèm theo các tài liệu, bản vẽ chứng minh các số liệu nêu trên gồm:

- Các bản vẽ, mặt cắt thể hiện cấu trúc địa chất, đặc điểm địa chất thủy văn - địa chất công trình khu vực tại thời điểm đóng cửa mỏ;

- Toàn bộ bản vẽ, mặt cắt kèm theo báo cáo định kỳ hoạt động khai thác mỏ hàng năm từ khi được cấp Giấy phép khai thác đến thời điểm đóng cửa mỏ;

- Các số liệu liên quan đến chất lượng (hàm lượng, thành phần khoáng vật, hoá học, cơ lý v.v..) của khoáng sản tại khu vực đề nghị đóng cửa mỏ (moong khai thác, đường lò chợ v.v...) kèm theo là bản đồ thể hiện vị trí các điểm lấy mẫu và kết quả phân tích mẫu.

3. Lý do đóng cửa mỏ (làm rõ các trường hợp sau):

- Đóng cửa toàn bộ hoặc một phần diện tích mỏ được cấp phép để thanh lý do đã khai thác hết trữ lượng khoáng sản trong diện tích được cấp phép?

- Đóng cửa để bảo vệ mỏ do chưa khai thác hoặc đã khai thác được một phần trữ lượng khoáng sản được cấp phép; lý do (do khai thác không hiệu quả, do tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản vi phạm pháp luật về khoáng sản hoặc pháp luật có liên quan).

CHƯƠNG III

PHƯƠNG PHÁP, KHỐI LƯỢNG CÔNG TÁC ĐÓNG CỬA MỎ

1. Phương án đóng cửa mỏ

Căn cứ vào hiện trạng khu vực đề nghị đóng cửa mỏ như đã nêu trên cũng như theo từng loại hình khai thác khoáng sản, ảnh hưởng của quá trình khai thác đến môi trường, cộng đồng dân cư xung quanh; căn cứ cấu tạo địa chất, thành phần khoáng vật và chất lượng môi trường của khu vực triển khai Đề án đóng cửa mỏ; hiện trạng công trình bảo vệ môi trường, phục hồi môi trường khu vực đã khai thác (tính đến thời điểm đóng cửa mỏ), tổ chức, cá nhân phải xây dựng các phương án cải tạo, phục hồi môi trường khả thi; công tác đóng cửa mỏ phải đảm bảo không để xảy ra các sự cố môi trường, sức khỏe cộng đồng và các quy định khác có liên quan;

Theo đó, mô tả khái quát từng phương án đề xuất; các công trình và khối lượng công việc cải tạo, phục hồi môi trường. Mỗi phương án xây dựng một bản đồ hoàn thổ không gian đã khai thác và thể hiện các công trình cải tạo, phục hồi môi trường. Đánh giá tác động ảnh hưởng đến môi trường, tính bền vững, an toàn của các công trình cải tạo, phục hồi môi trường của từng phương án (bao gồm: sụt lún, trượt lở, chống thấm, hạ thấp mực nước ngầm, nứt gãy, sự cố môi trường,...). Lựa chọn phương án tối ưu.

2. Khối lượng đóng cửa mỏ

Trên cơ sở phương án đóng cửa mỏ đã lựa chọn, tính toán cụ thể:

- Dạng, khối lượng công việc và các biện pháp thực hiện công tác đóng cửa mỏ, làm rõ các biện pháp bảo vệ khoáng sản chưa khai thác (nếu có);
- Khối lượng công việc phải thực hiện nhằm đảm bảo an toàn sau khi đóng cửa mỏ, kể cả các bãi thải của mỏ và bảng thống kê kèm theo;
- Giải pháp phục hồi đất đai và môi trường liên quan; số lượng, khối lượng đất màu, cây xanh (nếu có) cần sử dụng trong quá trình đóng cửa mỏ; nêu rõ sự thay đổi, phương án lựa chọn và lý do thay đổi so với Dự án cải tạo, phục hồi môi trường đã phê duyệt.
- Lập bảng thống kê các thiết bị, máy móc, nguyên vật liệu cần huy động để thực hiện đề án đóng cửa mỏ;
- Kiến nghị về việc bảo vệ hoặc sử dụng hợp lý các công trình mỏ và khu vực khai thác mỏ sau khi hoàn thành công việc đóng cửa mỏ;
- Rà soát, điều chỉnh các vị trí giám sát, các nội dung giám sát môi trường (đã được phê duyệt trong Dự án cải tạo, phục hồi môi trường khai thác) trong quá trình thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản.

III. Tiến độ thực hiện

- Tiến độ thực hiện và thời gian hoàn thành từng công việc cụ thể;
- Xác định tổng thời gian thực hiện đề án đóng cửa mỏ;
- Cơ quan tiếp nhận, quản lý, sử dụng các công trình mỏ, công trình bảo vệ môi trường và khu vực khai thác mỏ sau khi có quyết định đóng cửa mỏ.

CHƯƠNG IV DỰ TOÁN KINH PHÍ

Chi phí đóng cửa mỏ và cơ sở đảm bảo cho nguồn kinh phí đó, kể cả những khoản bồi thường thiệt hại do việc đóng cửa mỏ gây ra.

CHƯƠNG V TỔ CHỨC THI CÔNG

Trên cơ sở khối lượng, tiến độ thực hiện các công việc của đề án và thời gian hoàn thành đã tính toán đưa ra phương án tổ chức thi công đề án. Do tổ chức, cá nhân khai thác tự thực hiện hay thuê tổ chức, cá nhân khác? Cách thức tổ chức thực hiện cụ thể.

KẾT LUẬN

- Kiến nghị về việc bảo vệ hoặc sử dụng hợp lý các công trình mỏ và khu vực khai thác mỏ sau khi hoàn thành công việc đóng cửa mỏ;
- Các yêu cầu, kiến nghị khác (nếu có).

PHẦN PHỤ LỤC

1. Phụ lục các bản vẽ:

TT	Tên bản vẽ
1	Bản đồ hiện trạng khu vực khai thác mỏ. Tỷ lệ 1:1.000 - 1:2.000
2	Bản đồ địa hình khu vực mỏ tại thời điểm được cấp phép khai thác
3	Bản đồ kết thúc từng giai đoạn khai thác theo Dự án đầu tư

4	Bản đồ tổng mặt bằng mỏ (thể hiện rõ các công trình khai thác mỏ và các công trình phụ trợ: nhà cửa, đường xá, cầu cống v.v..)
5	Bản đồ kết thúc khai thác mỏ theo thiết kế khai thác
6	Các bản vẽ mặt cắt địa chất đặc trưng khu vực đóng cửa mỏ
7	Các bản vẽ thiết kế chi tiết các công trình đóng cửa mỏ, bãi thải
8	Sơ đồ vị trí lấy mẫu đáy moong kết thúc khai thác, hoặc tại các đường lò chợ v.v...
9	Bản đồ tổng thể khu vực sau khi thực hiện Đề án đóng cửa mỏ và thể hiện Bản đồ trên không gian ba chiều (3D)
...	Các bản vẽ khác (nếu có theo Dự án cải tạo, phục hồi môi trường)

2. Phụ lục các hồ sơ, tài liệu liên quan:

- Bản sao quyết định phê duyệt/giấy xác nhận Báo cáo đánh giá tác động môi trường/Bản cam kết bảo vệ môi trường/Đề án bảo vệ môi trường; Giấy phép khai thác khoáng sản; Dự án cải tạo phục hồi môi trường trong khai thác;

- Bản sao quyết định phê duyệt Dự án đầu tư khai thác mỏ và thiết kế cơ sở; quyết định phê duyệt Thiết kế mỏ;

- Quyết định giao đất, Hợp đồng thuê đất;

- Bản đồ ba chiều (3D) hoàn thổ không gian đã khai thác đối với trường hợp Dự án cải tạo, phục hồi môi trường của tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường;

- Đơn giá, định mức của các bộ, ngành tương ứng; bản đồ quy hoạch sử dụng đất (nếu có);

- Toàn bộ bản vẽ bình đồ, mặt cắt hiện trạng kết thúc các năm khai thác kèm theo báo cáo định kỳ hoạt động khai thác khoáng sản;

- Tài liệu phân tích mẫu khoáng sản, đất đá (nếu có) tại khu vực đề nghị đóng cửa mỏ;

- Các bảng biểu, tài liệu kèm theo như đã nêu trong các chương.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

Kính gửi: Bộ Tài nguyên và Môi trường
(Ủy ban nhân dân tỉnh.....)

(Tên tổ chức, cá nhân).....

Trụ sở tại:..... Điện thoại:..... Fax:

Quyết định thành lập doanh nghiệp số....., ngày.... tháng... năm.... hoặc Đăng ký kinh doanh số... ngày... tháng... năm....

Giấy phép đầu tư số.... ngày.... tháng.... năm... của (Cơ quan cấp giấy phép đầu tư).....(nếu có).

Đề nghị được cấp phép thăm dò khoáng sản (tên khoáng sản) tại xã....., huyện..... tỉnh

Diện tích là.....(ha, km²), được giới hạn bởi các điểm góc có toạ độ xác định trên bản đồ khu vực thăm dò kèm theo.

Thời gian thăm dò (tháng, năm), kể từ ngày ký Giấy phép.

Hợp đồng kinh tế kỹ thuật số, ngày..... tháng...năm... với (tên tổ chức lập đề án thăm dò)..... (trong trường hợp chủ đầu tư không có đủ điều kiện để tổ chức thăm dò khoáng sản).

Mục đích sử dụng khoáng sản:.....

(Tên tổ chức, cá nhân) cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan.

Tổ chức, cá nhân làm đơn
(Ký tên, đóng dấu)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN GIẤY PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

Kính gửi: Bộ Tài nguyên và Môi trường
(Ủy ban nhân dân tỉnh.....)

(Tên tổ chức, cá nhân).....

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:..... Fax.....

Được phép thăm dò (tên khoáng sản)..... tại xã....., huyện....., tỉnh..... theo Giấy phép thăm dò khoáng sản số..... ngày tháng nămcủa ... Bộ Tài nguyên và Môi trường (Ủy ban nhân dân tỉnh ...)

Đề nghị được gia hạn Giấy phép thăm dò, thời gian gia hạn tháng.

Diện tích trả lại là (ha, km²).

Diện tích tiếp tục thăm dò (ha, km²), được giới hạn bởi các điểm góc..... có toạ độ xác định trên bản đồ khu vực thăm dò kèm theo.

Lý do xin gia hạn.....

(Tên tổ chức, cá nhân)..... cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan.

Tổ chức, cá nhân làm đơn
(Ký tên, đóng dấu)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ TRẢ LẠI GIẤY PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN
(HOẶC TRẢ LẠI MỘT PHẦN DIỆN TÍCH KHU VỰC THĂM DÒ KHOÁNG SẢN)

Kính gửi: Bộ Tài nguyên và Môi trường
(Ủy ban nhân dân tỉnh.....)

(Tên tổ chức, cá nhân):.....

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:....., Fax:.....

Đề nghị được trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản (một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản của Giấy phép thăm dò khoáng sản) số....., ngày.... tháng ... năm ... của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (UBND tỉnh...) cho phép thăm dò (khoáng sản).... tại khu vực... thuộc xã...huyện...tỉnh...

Đối với trường hợp trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò cần nêu rõ các nội dung sau:

- Diện tích đề nghị trả lại là:..... (ha, km²)

- Diện tích khu vực tiếp tục thăm dò là:..... (ha, km²).

Diện tích đề nghị trả lại và diện tích đề nghị tiếp tục thăm dò có toạ độ các điểm khép góc xác định trên bản đồ khu vực kèm theo.

Lý do đề nghị trả lại.....

(Tên tổ chức, cá nhân)..... cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan.

Tổ chức, cá nhân làm đơn

(Ký tên, đóng dấu)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHUYỂN NHƯỢNG QUYỀN THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

Kính gửi: Bộ Tài nguyên và Môi trường
(Ủy ban nhân dân tỉnh.....)

(Tên tổ chức, cá nhân).....

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Đề nghị được chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản theo Giấy phép thăm dò số....., ngày.... tháng.... năm..... của Bộ Tài nguyên và Môi trường (UBND tỉnh...) cho phép hoạt động thăm dò (khoáng sản)..... tại xã....., huyện....., tỉnh.....

Thời hạn thăm dò..... tháng (năm),

Tổ chức nhận chuyển nhượng: (Tên tổ chức, cá nhân).....

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Quyết định thành lập doanh nghiệp số....., ngày.... tháng... năm.... hoặc Đăng ký kinh doanh số... ngày... tháng... năm....

Giấy phép đầu tư số.... ngày.... tháng.... năm... của (Cơ quan cấp giấy phép đầu tư).....(nếu có)

Hợp đồng chuyển nhượng số..... ngày.... tháng.... năm..... và các văn bản khác liên quan.

Mục đích sử dụng khoáng sản:.....

(Tên tổ chức, cá nhân)..... cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan.

Tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển nhượng
(Ký tên, đóng dấu)

Tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng
(Ký tên, đóng dấu)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày... tháng... năm...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

Kính gửi: Bộ Tài nguyên và Môi trường

(Ủy ban nhân dân tỉnh.....)

(Tên tổ chức, cá nhân).....

Trụ sở tại:

Điện thoại:..... Fax:.....

Quyết định thành lập doanh nghiệp số....., ngày.... tháng... năm.... hoặc Đăng ký kinh doanh số... ngày... tháng... năm....

Giấy chứng nhận đầu tư số.... ngày.... tháng.... năm... của (Cơ quan cấp giấy phép đầu tư)..... cho dự án ... của Công ty

Báo cáo kết quả thăm dò (tên khoáng sản)..... tại xã..... do..... thành lập năm..... đã được..... phê duyệt theo Quyết định số..... ngày.... tháng.... năm... của.....

Đề nghị được cấp phép khai thác (tên khoáng sản)..... tại khu vực ... thuộc xã..... huyện..... tỉnh.....

Diện tích khu vực khai thác:..... (ha, km²), được giới hạn bởi các điểm góc:..... có tọa độ xác định trên bản đồ khu vực khai thác kèm theo.Trữ lượng khai thác: (tấn, m³,...)Công suất khai thác:..... (tấn, m³,...) /năm

Mức sâu khai thác: ...

Thời hạn khai thác:..... năm, kể từ ngày ký giấy phép. Trong đó thời gian xây dựng cơ bản mở là: ... năm (tháng).

Mục đích sử dụng khoáng sản:.....

Đối với trường hợp đề nghị cấp phép khai thác nước khoáng, nước nóng cần bổ sung thông tin về công trình khai thác theo các thông số:

Số hiệu, C.sâu Tọa độ Lưu lượng Hạ thấp Mức nước Ghi chú

GK GK(m) X Y (m³/ngày) Smax (m) tĩnh (m)

(Tên tổ chức, cá nhân)..... cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan.

Tổ chức, cá nhân làm đơn

(Ký tên, đóng dấu)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

Kính gửi: Bộ Tài nguyên và Môi trường
(Ủy ban nhân dân tỉnh.....)

(Tên tổ chức, cá nhân).....

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:....., Fax.....

Đề nghị được gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản số..... ngày.... tháng... năm... của Bộ Tài nguyên và Môi trường (UBND tỉnh..) cho phép khai thác (tên khoáng sản)..... tại: xã..... huyện....., tỉnh.....

Thời gian đề nghị được tiếp tục khai thác:..... năm.

Diện tích đề nghị tiếp tục khai thác: ha. Được giới hạn bởi các điểm góc..... có toạ độ xác định trên bản đồ kèm theo.

Trữ lượng còn lại:..... (tấn, m³,...).

Công suất khai thác:..... (tấn, m³,...)

Lý do xin gia hạn.....

.....
(Tên tổ chức, cá nhân)..... cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan.

Tổ chức, cá nhân làm đơn
(Ký tên, đóng dấu)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ TRẢ LẠI GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN
(HOẶC TRẢ LẠI MỘT PHẦN DIỆN TÍCH KHU VỰC KHAI THÁC
KHOÁNG SẢN)

Kính gửi: Bộ Tài nguyên và Môi trường
(Ủy ban nhân dân tỉnh.....)

(Tên tổ chức, cá nhân).....

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:....., Fax.....

Đề nghị được trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản (một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản) theo Giấy phép số..... ngày.... tháng..... năm..... do Bộ Tài nguyên và Môi trường (UBND tỉnh...) cấp tại mỏ (tên mỏ) thuộc xã huyện tỉnh kể từ ngày.... tháng..... năm.....

Đối với trường hợp trả lại một phần diện tích khai thác cần bổ sung các thông tin sau:

- Diện tích đề nghị trả lại là:..... (ha, km²).

- Diện tích đề nghị được tiếp tục khai thác là:..... (ha, km²).

Khu vực đề nghị trả lại và khu vực đề nghị được tiếp tục khai thác có tọa độ các điểm khếp góc thể hiện trên bản đồ kèm theo.

Lý do đề nghị trả lại.....

.....
(Tên tổ chức, cá nhân)..... cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan.

Tổ chức, cá nhân làm đơn
(Ký tên, đóng dấu)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHUYỂN NHƯỢNG QUYỀN KHAI THÁC
KHOÁNG SẢN

Kính gửi: Bộ Tài nguyên và Môi trường
(Ủy ban nhân dân tỉnh.....)

(Tên tổ chức, cá nhân).....

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:....., Fax.....

Đề nghị được chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản theo Giấy phép khai thác số... ngày... tháng... năm... của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (UBND tỉnh ...) cho phép khai thác (tên khoáng sản) tại khu vực, thuộc xã..... huyện....., tỉnh.....

Thời hạn được khai thác.... năm,

Tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng: (Tên tổ chức, cá nhân).....

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:....., Fax:.....

Quyết định thành lập doanh nghiệp số...., ngày.... tháng... năm.... hoặc Đăng ký kinh doanh số... ngày... tháng... năm....

Giấy chứng nhận đầu tư số.... ngày.... tháng.... năm... của (Cơ quan cấp giấy phép đầu tư) cấp cho dự án ... của Công ty ...

Kèm theo Hợp đồng chuyển nhượng số.... ký ngày... tháng... năm... và các văn bản khác liên quan.

Mục đích sử dụng khoáng sản.....

(Tên tổ chức, cá nhân)..... cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan.

Tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển nhượng
(Ký tên, đóng dấu)

Tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng
(Ký tên, đóng dấu)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP KHAI THÁC TẬN THU KHOÁNG SẢN

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh.....

(Tên tổ chức, cá nhân).....

Trụ sở tại:

Điện thoại:..... Fax:.....

Quyết định thành lập doanh nghiệp số....., ngày.... tháng... năm.... hoặc Đăng ký kinh doanh số... ngày... tháng... năm....

Giấy chứng nhận đầu tư số.... ngày.... tháng.... năm... của (Cơ quan cấp giấy phép đầu tư) cho dự án ... của Công ty

Đề nghị được cấp phép khai thác tận thu (tên khoáng sản)..... tại mỏ..... thuộc xã..... huyện..... tỉnh.....

Diện tích khu vực khai thác:..... (ha, km²), được giới hạn bởi các điểm góc:..... có tọa độ xác định trên bản đồ kèm theo.

Trữ lượng khai thác: (tấn, m³,...)

Công suất khai thác:..... (tấn, m³,...)

Thời hạn khai thác..... năm, kể từ ngày ký giấy phép

(Tên tổ chức, cá nhân)..... cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan.

Tổ chức, cá nhân làm đơn

(Ký tên, đóng dấu)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN GIẤY PHÉP KHAI THÁC TẬN THU KHOÁNG SẢN

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh.....

(Tên tổ chức, cá nhân).....

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:....., Fax.....

Đề nghị được gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản số..... ngày.... tháng... năm.... của UBND tỉnh... cho phép khai thác (tên khoáng sản)..... tại xã..... huyện.....,

Thời gian đề nghị được tiếp tục khai thác..... năm.

Diện tích đề nghị được tiếp tục khai thác ha. Được giới hạn bởi các điểm góc..... có tọa độ xác định trên bản đồ kèm theo.

Công suất khai thác:..... (tấn, m³,...)

Lý do xin gia hạn.....

(Tên tổ chức, cá nhân)..... cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan.

Tổ chức, cá nhân làm đơn
(Ký tên, đóng dấu)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ TRẢ LẠI GIẤY PHÉP KHAI THÁC TẬN THU KHOÁNG SẢN

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh.....

(Tên tổ chức, cá nhân).....

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:....., Fax.....

Đề nghị được trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản số..... ngày.... tháng..... năm..... do UBND tỉnh ... cấp tại mỏ (tên mỏ) thuộc xã huyện tỉnh kể từ ngày.... tháng..... năm.....

Lý do đề nghị trả lại:.....

(Tên tổ chức, cá nhân)..... cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan.

Tổ chức, cá nhân làm đơn
(Ký tên, đóng dấu)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ PHÊ DUYỆT TRỮ LƯỢNG KHOÁNG SẢN

Kính gửi: Bộ Tài nguyên và Môi trường
(Ủy ban nhân dân tỉnh.....)

(Tên tổ chức, cá nhân).....

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:....., Fax.....

Đã hoàn thành công tác thi công các công trình thăm dòtheo Giấy phép thăm dò khoáng sản số ngày... tháng..... năm..... của (Bộ Tài nguyên và Môi trường hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương).

(Tên tổ chức, cá nhân)..... đã thành lập báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản (tên báo cáo).....

(Tên tổ chức, cá nhân).....xin chịu trách nhiệm trước (Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia/Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương).....về tính trung thực, chính xác của các tài liệu nguyên thủy trong nội dung báo cáo.

(Tên tổ chức, cá nhân)..... kính đề nghị (Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia/Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương).....thẩm định, xét và phê duyệt trữ lượng khoáng sản./.

Tổ chức, cá nhân làm đơn
(Ký tên, đóng dấu)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN
(ĐÓNG CỬA MỘT PHẦN DIỆN TÍCH KHU VỰC KHAI THÁC KHOÁNG SẢN)

Kính gửi: Bộ Tài nguyên và Môi trường
(Ủy ban nhân dân tỉnh.....)

(Tên tổ chức, cá nhân).....

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:....., Fax.....

Thực hiện Quyết định số.....ngày.....tháng.....nămcủa Bộ Tài nguyên và Môi trường (UBND tỉnh...) về việc phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản; biên bản kiểm tra thực địa ngày.....tháng.....nămcủa

Đề nghị được đóng cửa mỏ khoáng sản (đóng cửa một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản) theo Giấy phép khai thác khoáng sản số..... ngày.... tháng..... năm..... của Bộ Tài nguyên và Môi trường (UBND tỉnh...) tại mỏ (tên mỏ) thuộc xã huyện tỉnh

(Đối với trường hợp đóng cửa một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản, cần bổ sung các thông tin sau):

- Diện tích đề nghị đóng cửa là:..... (ha, km²).

- Diện tích đề nghị được tiếp tục hoạt động khai thác là:..... (ha, km²).

Diện tích khu vực đề nghị đóng cửa và khu vực tiếp tục được hoạt động khai thác có toạ độ các điểm khép góc thể hiện trên bản đồ kèm theo.

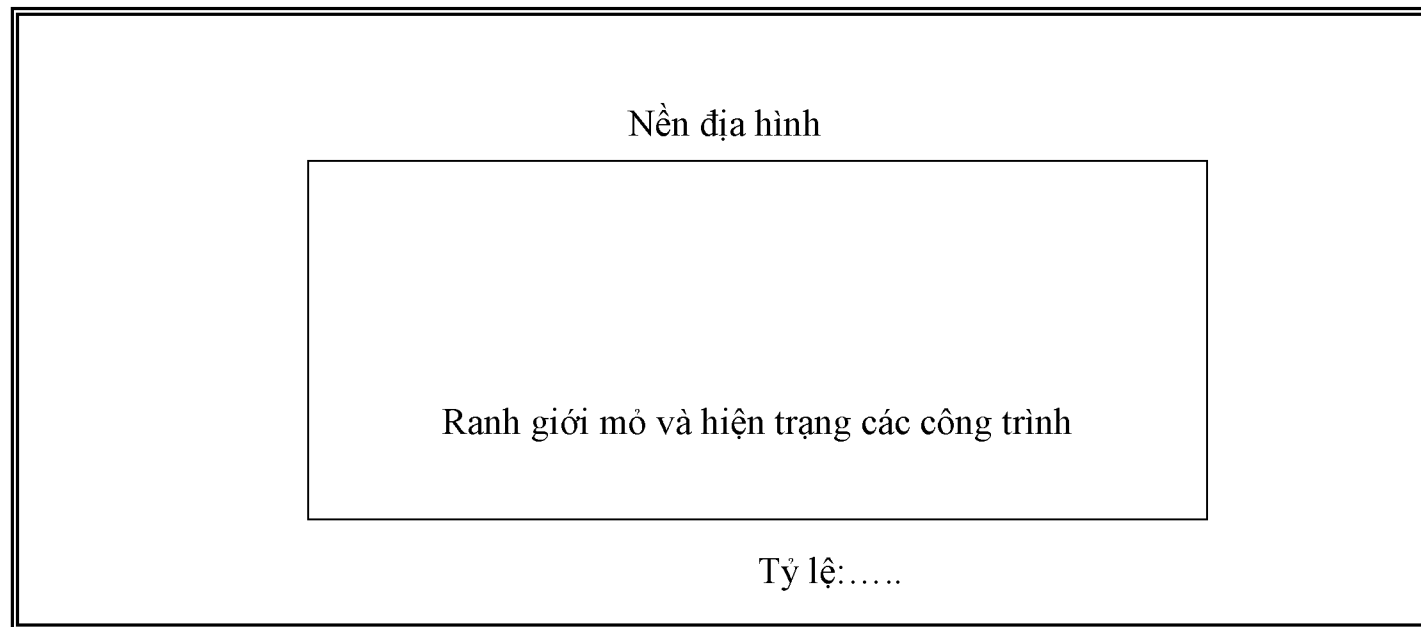
(Tên tổ chức, cá nhân)..... cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan.

Tổ chức, cá nhân làm đơn
(Ký tên, đóng dấu)

BẢN ĐỒ HIỆN TRẠNG KHU VỰC KHAI THÁC KHOÁNG SẢN
(tên khoáng sản).....tại (mỏ)....., xã....., huyện....., tỉnh....

Tọa độ các điểm khép góc

Điểm góc	Hệ VN 2000, kinh tuyến trục...múi chiếu...	
	X(m)	Y (m)
1		
2		
...		



số hiệu..."

Khung tọa độ

Tên tổ chức, cá nhân

Ghi chú: bản đồ hiện trạng tối thiểu phải thể hiện các thông tin cơ bản sau:

- Đường đồng mức và cao độ của đường đồng mức;
- Vị trí, cao độ hiện tại các khu vực khai thác, sườn tầng, bờ moong, đường lò ...;
- Vị trí thân quặng ban đầu, vết lộ khoáng sản (nếu có);
- Ranh giới khu vực được cấp phép;

3										
...										

1.10. Nhận xét, đánh giá về công tác thăm dò.....

2. Giấy phép thăm dò khoáng sản số:..... ngày... tháng.... năm.....(nếu có)

(Nội dung báo cáo như Mục 1 nêu trên).....;

.....

III. Đề xuất, kiến nghị

Tổ chức, cá nhân được phép thăm dò
(Ký tên, đóng dấu)

(Ghi chú: Tổ chức, cá nhân có từ một (01) giấy phép thăm dò trở lên chỉ lập một (01) báo cáo này; trong đó, Mục I và Mục III là phần báo cáo chung; Mục II báo cáo riêng cho từng giấy phép)

**(TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC
PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG
SẢN)**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số/.....

Địa danh....., ngày.... tháng.... năm 20....

Kính gửi :

BÁO CÁO ĐỊNH KỲ HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

I. Phần chung

1. Tổ chức, cá nhân được phép khai thác:
2. Loại hình doanh nghiệp:.....(Doanh nghiệp nhà nước, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Doanh nghiệp khác...);
3. Địa chỉ:.....;
- Điện thoại: ; Fax:
4. Người đại diện theo pháp luật:
 - Họ và tên.....;
 - Năm sinh.....;
 - Trình độ chuyên môn.....

II. Kết quả hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản từ ngày.... tháng.... năm..... đến ngày.... tháng.... năm....

II.1. Giấy phép khai thác khoáng sản số:..... ngày... tháng.... năm.....

A. Thông tin về giấy phép khai thác khoáng sản

1. Loại khoáng sản được phép khai thác.....;
2. Cơ quan cấp phép.....;
3. Diện tích khu vực khai thác:.....(m², ha, km²);
4. Phương pháp khai thác:.....(lộ thiên, hầm lò);
5. Độ cao khai thác: từm, đếnm;
6. Trữ lượng được phép khai thác:
 - Trữ lượng địa chất(tấn, m³),
 - Trữ lượng khai thác(tấn, m³);
7. Công suất được phép khai thác:.....:(tấn/năm, m³/năm, m³/ngày, đêm);
8. Thời hạn giấy phép: (tháng, năm);
9. Tổng tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (hoặc tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản).....(VND);
10. Vị trí mỏ: thôn....., xã....., huyện....., tỉnh.....;

B. Hoạt động khai thác khoáng sản

11. Tổng vốn đầu tư:(VND);
12. Tổng tiền ký quỹ phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản(VND).
13. Sản lượng khai thác khoáng sản theo thực tế trong năm báo cáo tính đến 31/12:.....(tấn, m³);
14. Giá thành khai thác trung bình trong năm:.....(VND/tấn, m³);
15. Hệ số tổn thất trong khai thác: thiết kế/thực tế:;
16. Hoạt động tuyển, phân loại, làm giàu:
- Khối lượng, hàm lượng khoáng sản nguyên khai đưa vào chế biến: (tấn, m³);
 - Khối lượng, hàm lượng khoáng sản sau chế biến: (tấn, m³);
 - Khối lượng sản phẩm phụ thu hồi được: (tấn, m³);
17. Khối lượng khoáng sản đã xuất khẩu (nếu có):(tấn, m³);
18. Tổng khối lượng khoáng sản đã tiêu thụ trong năm: (tấn, m³);
19. Tổng doanh thu:(VND);
20. Nộp ngân sách Nhà nước: (VND);
- Trong đó: - Thuế Tài nguyên:(VND);
- Thuế xuất khẩu khoáng sản.....(VND);
 - Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản/tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản: (VND);
 - Phí bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản: (VND);
 - Thuế thu nhập doanh nghiệp.....(VND).
 - Khác (nếu có):
21. Tiền ký quỹ phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản...(VND).

C. Thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản, sản lượng khoáng sản đã khai thác

22. Trữ lượng địa chất đã khai thác trong năm báo cáo tính đến 31/12/20.....(tấn, m³).
23. Trữ lượng địa chất còn lại tính đến 31/12/20.....(năm báo cáo)(tấn, m³), trong đó:
- Trữ lượng địa chất được phép khai thác.....(tấn, m³);
 - Trữ lượng địa chất tăng giảm do thăm dò nâng cấp trong thời gian khai thác đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận.....(tấn, m³);
 - Trữ lượng địa chất đã khai thác tính từ thời điểm cấp phép đến 31/12/20.....(năm báo cáo).....(tấn, m³).
24. Tổng sản lượng khoáng sản nguyên khai đã khai thác từ khi cấp phép tính đến ngày 31/12/20.....(tấn, m³).

D. Tình hình thực hiện trách nhiệm đối với cộng đồng nơi khai thác

25. Công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho tổ chức, cá nhân đang sử dụng

đất bị thu hồi để thực hiện dự án khai thác khoáng sản.....;

26. Số lao động sử dụng (ghi rõ số lao động là người địa phương tại xã nơi có hoạt động khai thác khoáng sản) và thu nhập bình quân/năm.....;

27. Xây dựng hạ tầng kỹ thuật (đường sá, cầu cống.....);

28. Xây dựng công trình công cộng (trường học, nhà trẻ.....);

29. Bảo vệ môi trường trong khai thác/phục hồi môi trường sau khai thác...

E. Đánh giá chung

Đánh giá chung về việc áp dụng công nghệ, thiết bị khai thác trong thực tế. Đánh giá về những biến động về chất lượng, trữ lượng khoáng sản thực tế trong năm báo cáo so với tài liệu địa chất đã được duyệt. Nếu có biến động (tăng/giảm) trữ lượng, thay đổi chất lượng phát hiện trong quá trình khai thác cần lập thành báo cáo với các tài liệu, bảng biểu kèm theo chứng minh cho các nhận định.

II.2. Giấy phép khai thác khoáng sản số: ...ngày...tháng...năm...(nếu có)

(Nội dung báo cáo như Mục 1 nêu trên).....

.....

III. Đề xuất, kiến nghị

**Tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)**

(Ghi chú: Tổ chức, cá nhân có từ một (01) giấy phép khai thác trở lên chỉ lập một (01) báo cáo này; trong đó, Mục I và Mục III là phần báo cáo chung; Mục II báo cáo riêng cho từng giấy phép)

UBND TỈNH.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số/.....

Địa danh, ngày.... tháng... năm 20....

Kính gửi: - Bộ Tài nguyên và Môi trường

BÁO CÁO
CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KHOÁNG SẢN
VÀ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KHOÁNG SẢN NĂM....

I. CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KHOÁNG SẢN

1. Công tác ban hành văn bản quản lý và tuyên truyền phổ biến pháp luật về khoáng sản

1.1. Các văn bản quản lý đã ban hành

1.2. Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về khoáng sản

2. Công tác lập, phê duyệt quy hoạch khoáng sản

3. Công tác cấp phép hoạt động khoáng sản

3.1. Công tác tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản

3.2. Công tác tiếp nhận, thẩm định hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản

Các biểu mẫu tổng hợp về Giấy phép thăm dò khoáng sản, Giấy phép khai thác khoáng sản lập theo mẫu số 27a, 27b.

3.3. Công tác thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản/tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản

4. Công tác thanh tra, kiểm tra xử lý vi phạm pháp luật về khoáng sản

5. Công tác bảo vệ khoáng sản chưa khai thác

6. Đánh giá chung về thuận lợi, khó khăn và tồn tại

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KHOÁNG SẢN

1. Công tác thăm dò khoáng sản

- Tổng hợp số lượng Giấy phép thăm dò khoáng sản triển khai trên địa bàn tỉnh/thành phố trong năm báo cáo (do Bộ/tỉnh thành phố cấp phép)

- Đánh giá về những kết quả đạt được (kèm theo bảng tổng hợp về kết quả thăm dò khoáng sản theo từng giấy phép, biến động trữ lượng khoáng sản đã được thăm dò trong năm báo cáo).

- Những khó khăn và tồn tại của các tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản

- Bảng số liệu tổng hợp về thăm dò khoáng sản (lập theo Mẫu số 30)

2. Công tác khai thác khoáng sản

- Tổng hợp số lượng Giấy phép khai thác khoáng sản (bao gồm cả Giấy phép khai thác tận thu) đã và đang triển khai trên địa bàn tỉnh/thành phố trong năm báo cáo (do Bộ/tỉnh thành phố cấp phép)

- Đánh giá về những kết quả đạt được (kèm theo bảng tổng hợp về kết quả khai thác khoáng sản theo từng giấy phép/loại, nhóm khoáng sản; tổng hợp về biến động trữ lượng khoáng sản đã khai thác trong năm báo cáo).

- Những khó khăn và tồn tại của các tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản

- Bảng số liệu tổng hợp về khai thác khoáng sản (lập theo Mẫu số 31)

3. Tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính của tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản

Tổng số tiền đã thực hiện:đồng,

Trong đó:

- Thuế tài nguyên:..... đồng

- Thuế xuất khẩu (nếu có): đồng

- Phí bảo vệ môi trường: đồng

- Tổng số tiền ký quỹ phục hồi môi trường trong khai thác đã thực hiện

Số tiền đã nộp:.....đồng/Tổng số tiền phải nộp:đồng.

III. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG NƠI KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

1. Công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho tổ chức, cá nhân đang sử dụng đất bị thu hồi để thực hiện dự án khai thác khoáng sản.....;

2. Số lao động sử dụng và thu nhập bình quân/năm.....;

3. Xây dựng hạ tầng kỹ thuật (đường sá, cầu cống.....).....;

4. Xây dựng công trình công cộng (trường học, nhà trẻ.....).....;

5. Bảo vệ môi trường trong khai thác và phục hồi môi trường sau khai thác khoáng sản.....

IV . CÁC ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

T/M ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ

(Ký tên, đóng dấu)

BẢNG SỐ LIỆU TỔNG HỢP VỀ TÌNH HÌNH CẤP GIẤY PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

(Kèm theo Báo cáo số .../... ngày...tháng...năm... của Sở Tài nguyên và Môi trường... (UBND tỉnh...))

STT	Số giấy phép	Ngày cấp	Loại khoáng sản	Tên đơn vị được cấp phép	Vị trí hành chính khu vực thăm dò	Diện tích thăm dò (ha, km ²)	Ghi chú
I	Giấy phép Bộ cấp						
1							
2							
..							
n							
II	Giấy phép tỉnh cấp						
1							
2							
..							
n							

BẢNG SỐ LIỆU TỔNG HỢP VỀ KẾT QUẢ THĂM DÒ KHOÁNG SẢN ĐỐI VỚI GIẤY PHÉP TỈNH CẤP

(Kèm theo Báo cáo số .../... ngày...tháng...năm... của Sở Tài nguyên và Môi trường... (UBND tỉnh...))

	Số giấy phép	Ngày cấp	Loại khoáng sản	Diện tích thăm dò (ha, km ²)	Vị trí hành chính khu vực được cấp phép	Trữ lượng khoáng sản được phê duyệt (nghìn tấn, nghìn m ³)		Ghi chú
						Cấp 121	Cấp 122	
1								
2								
...								
n								

BẢNG SỐ LIỆU TỔNG HỢP VỀ TÌNH HÌNH CẤP GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

(Kèm theo Báo cáo số/... ngày...tháng...năm... của Sở Tài nguyên và Môi trường... (UBND tỉnh...))

STT	Số giấy phép, ngày cấp	Loại khoáng sản	Tên đơn vị được cấp phép	Vị trí khu vực khai thác	Diện tích khai thác (ha, km ²)	Trữ lượng (tấn, m ³)	Công suất khai thác (tấn, m ³ /năm)	Ghi chú
I	Giấy phép Bộ cấp							
1								
2								
..								
n								
II	Giấy phép Tỉnh cấp							
1								
..								
n								

BẢNG SỐ LIỆU TỔNG HỢP VỀ HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

(Kèm theo Báo cáo số/... ngày...tháng...năm... của Sở Tài nguyên và Môi trường... (UBND tỉnh...))

STT	Loại khoáng sản	S.lượng KS nguyên khai (tấn, m ³)	Khối lượng KS đã X.khẩu (tấn, m ³)	Tiền cấp quyền KTKS (đồng)	Tiền trúng Đ.giá quyền KTKS (đồng)	Tổng doanh thu (đồng)	Thuế tài nguyên (đồng)	Thuế xuất khẩu KS (đồng)	Thuế thu nhập doanh nghiệp (đồng)	Tiền ký quỹ P.hội môi trường (đồng)	Phí bảo vệ môi trường (đồng)	Số lao động S.dụng (người)	Ghi chú
1													
2													
...													
N													

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC CẤP GIẤY PHÉP
THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

Tác giả:.....

Chủ biên:.....

BÁO CÁO KẾT QUẢ THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

(tên khoáng sản)....., tại xã....., huyện....., tỉnh....

THUYẾT MINH

(Trữ lượng tính đến ngày...tháng...năm...)

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC CẤP GIẤY
PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN
(Chức danh)

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
(Chức danh)

Ký, đóng dấu
(Họ và tên)

Ký, đóng dấu
(Họ và tên)

Địa danh, tháng.....năm.....

NỘI DUNG BÁO CÁO KẾT QUẢ THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

MỞ ĐẦU

- Cơ sở pháp lý của tổ chức, cá nhân thành lập báo cáo;
- Mục tiêu và nhiệm vụ của công tác thăm dò, thời gian thực hiện;
- Khối lượng công trình chính đã hoàn thành, trữ lượng đạt được và đánh giá kết quả thăm dò.

CHƯƠNG 1

KHÁI QUÁT VỀ KHU THĂM DÒ

- Vị trí hành chính và địa lý của mỏ, ranh giới và diện tích thăm dò;
- Khái quát về địa hình, khí hậu, mạng lưới sông suối, tình hình dân cư, kinh tế, văn hoá. Điều kiện giao thông vận tải, cơ sở công nghiệp.
- Khái quát công tác nghiên cứu địa chất khu vực, lịch sử phát hiện, công tác điều tra, tìm kiếm và thăm dò đã tiến hành trước đây và hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản (nếu có) .

CHƯƠNG 2

ĐẶC ĐIỂM CẤU TẠO ĐỊA CHẤT MỎ

- Khái quát về vị trí mỏ trong cấu trúc địa chất chung của vùng;
- Cấu tạo địa chất mỏ: khái quát về địa tầng, magma, kiến tạo và các yếu tố khống chế các thân quặng.
- Đặc điểm cấu tạo các thân khoáng: Số lượng, vị trí phân bố các thân khoáng. Mối liên kết của các thân khoáng theo đường phương và hướng cắm.
- Khái quát đặc điểm cấu tạo từng thân khoáng: Hình dáng, chiều dày, kích thước theo đường phương, hướng dốc, thế nằm, đặc điểm vót nhọn. Trình bày đặc điểm biến đổi các thông số của thân khoáng trong không gian, sự phân bố các thành phần có ích chính, đi kèm, các tạp chất có hại, quy luật phân bố các khoáng giàu, nghèo quặng. Thành phần và đặc điểm phân bố các lớp kẹp không chứa quặng hoặc

quặng không đạt chỉ tiêu tính trữ lượng, tỷ lệ của chúng trong thân khoáng. Đặc điểm phong hoá, sự biến đổi nguyên sinh và thứ sinh của khoáng sản và đá vây quanh.

Ở những mỏ có biểu hiện karst ngầm hoặc lộ trên mặt phải lý giải các phương pháp xác định mức độ karst.

Đối với các mỏ sa khoáng tiến hành mô tả đặc điểm địa mạo (cổ địa lý) tích tụ sa khoáng, điều kiện thế nằm của sa khoáng, đặc điểm hình dáng, kích thước, cấu tạo và thành phần của vỉa sản phẩm, thành phần và chiều dày lớp phủ, cấu tạo địa chất đáy sa khoáng, hàm lượng các thành phần có ích chính trong cát quặng, trong lớp phủ và trong đá lót đáy; hình dáng, kích thước, mức độ mài tròn các khoáng vật có ích, hàm lượng các thành phần chứa trong khoáng vật (đối với vàng: tuổi vàng). Thành phần cấp hạt, độ chứa sét, chứa đá tảng, sũng nước v.v...

Đối với các mỏ than cần thống kê số lượng vỉa đã phát hiện có thể khai thác, không khai thác. Các vỉa có thể khai thác mô tả chi tiết vị trí, chiều sâu, đặc tính đất đá vách, trụ vỉa than, các dấu hiệu đề nổi vỉa. Diện phân bố chung và phân bố công nghiệp của vỉa; số công trình bắt vỉa... Đối với các vỉa đang khai thác cần chỉ dẫn diện tích và độ sâu khai thác, chiều dày, cấu tạo vỉa; so sánh kết quả khai thác với thăm dò.

CHƯƠNG 3

CÔNG TÁC THĂM DÒ ĐỊA CHẤT VÀ CÁC VẤN ĐỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Công tác trắc địa:

a) Nhiệm vụ, khối lượng, thiết bị đo vẽ

- Mục đích, nhiệm vụ công tác trắc địa;
- Khối lượng công tác thực hiện so với đề án;

b) Công tác kỹ thuật

- Tài liệu đã có và mức độ sử dụng: Lưới khống chế, cấp hạng; bản đồ địa hình, tỷ lệ; thống kê tọa độ công trình...

- Thành lập lưới khống chế mặt phẳng và độ cao: Nêu từng loại lưới tam giác, giải tích, đa giác, hành trình thủy chuẩn các cấp: Đồ hình, số điểm, số lưới thành lập; thiết bị đo, độ chính xác; phương pháp đo, số vòng đo; ghi chép; phương pháp tính toán, bình sai, các số hiệu chỉnh, số liệu sau bình sai, kết quả đo tọa độ, độ cao sau bình sai...

- Thành lập bản đồ địa hình: Lưới đo vẽ địa hình; đường chuyền kinh vĩ, đồ hình; tổng số lưới, số điểm mới; thiết bị đo, độ chính xác; bảng tính toán bình sai thể hiện số liệu đo, số hiệu chính, tọa độ độ cao các điểm. Diện tích đo vẽ tỷ lệ bản đồ, khoảng chênh đường đồng mức; phương pháp đo điểm chi tiết địa hình địa vật, ghi chép nhật ký đo, khoảng cách trạm đo đến điểm đo, mật độ trung bình điểm chi tiết trên dm^2 ; phương pháp triển điểm chi tiết địa hình địa vật, vẽ đường đẳng cao; công tác kiểm tra đối chiếu thực địa, phương pháp và kết quả kiểm tra so sánh.

- Công tác trắc địa công trình: Phương pháp xác định vị trí công trình từ thiết kế ra thực địa. cấp hạng các điểm trạm đo, số lượng công trình; phương pháp xác định tọa độ, độ cao các công trình thăm dò, thiết bị đo, phương pháp đo, ghi chép, cấp hạng các điểm trạm đo và khối lượng; phương pháp xác định tọa độ độ cao các tuyến thăm dò, điểm trên tuyến... So sánh độ cao công trình địa chất đã đo với độ cao trên bản đồ địa hình, lập bảng thống kê.

c) Công tác kiểm tra nghiệm thu:

- Công tác kiểm tra nghiệm thu của đơn vị thực hiện công tác trắc địa và của tổ chức các nhân được cấp phép thăm dò bao gồm cả công tác thực địa và văn phòng.

- Kết luận về mức độ chính xác và khả năng sử dụng tài liệu trắc địa phục vụ công tác tính trữ lượng,

d) Các phụ lục kèm theo:

+ Văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về cấp tọa độ, độ cao các điểm trắc địa khởi tính, bản đồ gốc do cơ quan có thẩm quyền ban hành;

+ Bảng thông kê tọa độ, độ cao các điểm tam giác, giải tích, đa giác, đường chuyền các loại mới thành lập;

+ Bảng tính toán bình sai lưới tam giác, giải tích, đường chuyền, hành trình tùy chuẩn các cấp, bảng thống kê tọa độ, độ cao sau bình sai;

+ Bảng thống kê tọa độ, độ cao công trình thăm dò địa chất;

+ bản đồ địa hình;

+ Sơ đồ lưới khống chế mặt phẳng và độ cao; sơ đồ lưới đo vẽ

+ Mặt cắt địa hình (nếu có) ;

+ các nhật ký đo đạc thực địa;

+ Biên bản nghiệm thu.

2. Công tác thăm dò địa chất:

- Cơ sở phân chia nhóm mỏ trên cơ sở đặc điểm cấu tạo địa chất mỏ, kết quả nghiên cứu thống kê và địa thống kê một số thông số đặc trưng thân quặng như hệ số biến đổi chiều dày, hàm lượng, tính dị hướng, bán kính ảnh hưởng....

- Mạng lưới công trình thăm dò đã được áp dụng cho từng cấp trữ lượng, cách thức bố công trình thăm dò;

- Tóm tắt các phương pháp thăm dò đã tiến hành, kết quả đạt được, những tồn tại của từng phương pháp.

+ Công tác địa vật lý: Nhiệm vụ, khối lượng, phương pháp tiến hành và kết quả đạt được, đánh giá hiệu quả từng phương pháp. Đối với than nêu rõ cơ sở lựa chọn phương pháp đo, ghi, và biểu diễn biểu đồ karota; phương pháp phân tích tài liệu và xác định chiều dày, vách, trụ các vỉa than theo karota; so sánh kết quả đo karota và khoan; mức độ sử dụng kết quả karota để tính trữ lượng.

+ Công tác đo vẽ địa chất: Mục đích, nhiệm vụ, phương pháp và khối lượng công tác đo vẽ địa chất và kết quả đạt được phục vụ công tác thăm dò.

+ Công trình khai đào: Mục đích, nhiệm vụ và cơ sở bố trí công trình khai đào; khối lượng và đánh giá hiệu quả, kết quả từng loại hình công trình.

+ Công tác khoan: Mục đích, nhiệm vụ và bố trí mạng lưới công trình khoan; thiết bị và công nghệ khoan, kết cấu và độ sâu các lỗ khoan; số lượng và khối lượng khoan, trạng thái lỗ khoan; tỷ lệ thu hồi mẫu lõi khoan theo chiều dài, trọng lượng hoặc thể tích. Đánh giá hiệu quả công trình khoan lấy mẫu phục vụ công tác nghiên cứu địa chất và tính trữ lượng.

+ Công tác lấy, gia công và phân tích mẫu: Mục đích, nhiệm vụ và luận giải về các phương pháp lấy mẫu đã áp dụng: chủng loại, số lượng, kích thước, khoảng cách giữa các mẫu, sơ đồ gia công, phương pháp phân tích, số lượng mẫu kiểm tra; kết quả kiểm tra, đánh giá sai số và khả năng sử dụng số liệu phân tích trong việc tính trữ lượng khoáng sản.

Đánh giá chất lượng thi công, độ tin cậy của các tài liệu thu được từ các công trình thăm dò và phân tích mẫu.

3. Các vấn đề về bảo vệ môi trường

Ảnh hưởng của công tác thăm dò đến môi trường xung quanh được phản ánh thông qua mức độ biến đổi cảnh quan thiên nhiên trong vùng, sự thay đổi chế độ

nước mặt, nước ngầm, sự nhiễm bản bầu khí quyển, thủy quyển và giảm độ phì nhiêu của đất trồng và các ảnh hưởng tiêu cực khác.

Các giải pháp làm giảm thiểu tác động môi trường đã được thực hiện.

CHƯƠNG 4

ĐẶC ĐIỂM CHẤT LƯỢNG VÀ TÍNH CHẤT CÔNG NGHỆ CỦA KHOÁNG SẢN

1. Đặc điểm chất lượng khoáng sản

- Phân chia các loại, kiểu quặng tự nhiên và công nghiệp;

- Thành phần khoáng vật quặng chính, đi kèm và phi quặng của các loại quặng, thân quặng và toàn mỏ.

- Các tính chất về cơ lý, cấu tạo, kiến trúc và các đặc điểm khác. Quy luật phân bố các loại, kiểu quặng tự nhiên, quặng công nghiệp và tỷ lệ của chúng trong phạm vi mỏ (khoảnh mỏ) và trong từng thân khoáng. Sự biến đổi thành phần và tính chất cơ lý của quặng trong đới phong hoá (oxy hoá), độ sâu phát triển của đới này. Các tiêu chuẩn phân chia theo mức độ oxy hoá

- Thành phần hoá: Sự biến đổi thành phần chính theo mẫu đơn, theo khối tính trữ lượng của các loại quặng, thân quặng và toàn mỏ; hàm lượng các nguyên tố, thành phần có ích chính và tạp chất có hại. Xác định mối tương quan giữa các thành phần có ích chính và đi kèm. Đánh giá khả năng khai thác lựa chọn và chế biến các loại, kiểu quặng công nghiệp, các thành phần chính và đi kèm.

Đối với than, cần thống kê và đánh giá số lượng, chất lượng công tác lấy, phân tích mẫu. Đánh giá trạng thái tự nhiên và tính chất vật lý, thành phần thạch học, độ dẻo của than theo từng vỉa than; phương pháp tính và xác định độ tro trung bình, độ tro hàng hóa; thành phần tro, độ nóng chảy, sức bền chịu nhiệt, thành phần lưu huỳnh đối với than giàu lưu huỳnh... Tính chất cơ lý của than: Tỷ trọng, độ kiên cố, chịu nhiệt, độ bền cơ học (riêng cho từng loại ôxy hóa và chưa ôxy hóa). Đối với vỉa phức tạp cần nêu độ bền cơ học, độ ướt rã của đá kẹp; mức độ thay đổi thành phần và tính chất của than khi để ngoài trời; đánh giá sự có mặt các khoáng sản có ích trong lớp phủ, đá vây quanh cũng như các nguyên tố S, Ge, Ga.. Kiến nghị về phương pháp sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên than đã thăm dò; điều kiện kỹ thuật và yêu cầu chất lượng đối với tro và chất thải của xưởng tuyển than và đập thạch cháy để sản xuất gạch và xi măng...

2. Tính chất công nghệ của quặng

- Phương pháp lấy mẫu và nghiên cứu thí nghiệm tính chất công nghệ của quặng. Tính đại diện của mẫu về khối lượng, vị trí không gian, thành phần vật chất, hàm lượng các thành phần có ích chính, đi kèm và các chỉ tiêu khác đối với thân khoáng sản, toàn mỏ.

- Kết quả nghiên cứu tính chất công nghệ của khoáng sản quy mô phòng thí nghiệm, phòng thí nghiệm mở rộng, bán công nghiệp v.v.

- Các tổ chức thực hiện chương trình nghiên cứu và kết quả đạt được.

- Kết luận về tính chất công nghệ, khả năng làm giàu, chế biến và sử dụng trong công nghiệp.

- Đánh giá mức độ sử dụng kết quả nghiên cứu mẫu công nghệ để thiết kế sơ đồ công nghệ chế biến thu hồi tổng hợp các thành phần có ích. So sánh các thông số kinh tế - kỹ thuật thu được với các chỉ tiêu của xí nghiệp chế biến nguyên liệu khoáng có thành phần tương tự ở trong nước và ở nước ngoài.

CHƯƠNG 5

ĐẶC ĐIỂM ĐỊA CHẤT THUYẾT VẤN, ĐỊA CHẤT CÔNG TRÌNH VÀ ĐIỀU KIỆN KỸ THUẬT KHAI THÁC MỎ

Nội dung, khối lượng, phương pháp các công tác nghiên cứu địa chất thuyết vấn (ĐCTV) và địa chất công trình (ĐCCT) đã tiến hành. Lập luận về tính hợp lý và kết quả đã đạt được của công tác nghiên cứu. Đánh giá mức độ hoàn thành các nhiệm vụ đặt ra, độ tin cậy của các thông số nghiên cứu thu được phục vụ thiết kế khai thác mỏ.

1. Đặc điểm địa chất thuyết vấn

a. Đặc điểm nước mặt

- Mạng lưới sông suối, chiều dài, rộng và sâu của các dòng sông suối. Độ dốc lòng sông, mức độ uốn khúc, đặc điểm phù sa...

- Độ cao mực nước sông suối, lưu lượng nước vào mùa khô, mùa mưa, sự biến đổi hàng tháng.

- Chế độ lũ lụt và diện tích bị ngập nước. Đặc điểm các dòng chảy tạm thời như ao, hồ, đầm lầy v.v... và sự ảnh hưởng của chúng đối với khai thác mỏ.

b. Đặc điểm nước ngầm

- Phân chia phức hệ địa chất thuỷ văn, mô tả các đơn vị chứa nước theo thứ tự tuổi địa tầng từ trẻ đến già. Diện tích phân bố, thành phần thạch học, khoáng vật của đá, thành phần hạt, tính phân lớp, độ nứt nẻ, mức độ karst hoá, vật chất đầm lầy, hang hốc karst và khe nứt, sản trạng và chiều dày của lớp.

- Tính chất vật lý và tính thấm nước của đá chứa nước, độ phong phú của nước. Tính chất thuỷ lực (không áp, có áp). Chiều sâu mực nước ngầm (hay mực áp lực) và động thái của chúng. Mức độ chênh lệch của mực nước (mực áp lực) so với gốc xâm thực địa phương và so với mức sâu nhất dự kiến khai thác. Sự liên hệ thuỷ lực giữa các tầng chứa nước và giữa nước mặt và nước ngầm.

- Đặc tính ĐCTV của đới phong hoá, của đới phá huỷ kiến tạo và các đứt gãy lớn cắt qua các thân khoáng.

- Đặc điểm các tầng (lớp) cách nước.

- Đánh giá các nguồn nước và dự tính lượng nước có thể chảy vào mỏ. Khi tính toán phải căn cứ vào đặc điểm nguồn nước và dựa vào các mặt cắt ĐCTV để chọn sơ đồ, phương pháp và công thức tính phù hợp. Khi trong vùng nghiên cứu có mỏ đã hoặc đang khai thác có điều kiện ĐCTV tương tự với mỏ thăm dò thì nhất thiết phải sử dụng các số liệu thực tế về lượng nước chảy vào mỏ để đánh giá điều kiện ĐCTV của mỏ thăm dò. So sánh kết quả tính toán với số liệu thực tế để tìm hiểu nguyên nhân khắc phục. Đánh giá mức độ tin cậy của các số liệu tính toán.

- Dự đoán khả năng nước chảy vào mỏ khi hoạt động khai thác tiến đến gần sông, hồ, các công trình chứa nước hoặc các giếng khai thác cũ chứa nước. Khả năng bực nước chảy vào mỏ, biện pháp xử lý.

- Đánh giá các nguồn cung cấp nước sinh hoạt và nước kỹ thuật.

- Xác định số lượng và chất lượng của nguồn nước mặt và nước ngầm. Tính chất vật lý và thành phần hoá học của nước. Hàm lượng chất độc hại và lượng vi trùng trong nước. Đánh giá tính chất ăn mòn của nước đối với bê tông và kim loại. Khả năng sử dụng nước tháo khô mỏ vào mục đích cấp nước sinh hoạt. Điều kiện bảo vệ vệ sinh các nguồn nước cấp cho ăn uống.

2. Đặc điểm địa chất công trình

Khái quát về sự phân bố các loại đất đá theo diện và theo chiều sâu trong phạm vi thăm dò. Mô tả các loại đất đá theo thứ tự từ trên xuống dưới. Trạng thái đất đá khi còn tươi và khi đã bị phong hoá. Tính chất cơ lý của đất, đá nửa cứng, đá cứng, đặc biệt ở trụ và vách, quặng. Tính chất cơ lý của đất đá trong đới phá huỷ, đới phong

hoá. Phương pháp nghiên cứu thí nghiệm xác định các chỉ tiêu cơ lý, đánh giá mức độ tin cậy của các kết quả thu được. So sánh các kết quả thí nghiệm trong phòng và ngoài trời (nếu có). Đối chiếu các số liệu thí nghiệm với số liệu của mỏ đã hoặc đang khai thác có điều kiện ĐCCT tương tự.

Các hiện tượng địa chất tự nhiên và địa chất công trình.

Diện phân bố, quy mô và giai đoạn phát triển, điều kiện và nguyên nhân phát sinh (trượt lở, mương xói, karst, xói ngầm, bùng nền...). Các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển các hiện tượng. Mức độ nguy hại của chúng đối với xây dựng và khai thác mỏ. Biện pháp ngăn ngừa và xử lý.

3. Điều kiện kỹ thuật khai thác mỏ

- Khái quát cơ sở hạ tầng khu mỏ, mô tả các điều kiện địa chất – khai thác của mỏ ảnh hưởng tới phương pháp, công nghệ khai thác mỏ (địa hình, chiều dày và đặc điểm thạch học của trầm tích phủ, mức độ phức tạp về cấu tạo thân khoáng, chiều dày và sự biến đổi của chúng).

- Đối với mỏ dự kiến khai thác lộ thiên cần có các số liệu về tính chất, thành phần và chiều dày của đất đá phủ. Đặc điểm phong hoá, thành phần thạch học, đặc điểm phân lớp, hướng cắm và góc dốc của vỉa... làm căn cứ để tính toán xác định hệ số bóc trung bình, tối đa, góc dốc bờ tầng, bờ moong khai trường.

- Đối với mỏ dự kiến khai thác hầm lò, mô tả các tính chất cơ lý của đá vách, đá trụ và thân khoáng cũng như đất đá trong đới mềm yếu (đới phong hoá, karst, đới đập vỡ kiến tạo v.v...) cho phép tính toán, xác định áp lực đá lên nóc, đáy và hông lò và lên thành giếng mỏ. Các yếu tố khác làm phức tạp hoá trong quá trình khai thác như: mức độ karst, cát chảy, bụi nước, khí độc hại, mức độ chứa phóng xạ của quặng và đất đá vây quanh, sự có mặt của các hợp chất độc hại, mức độ độc hại của bụi khi tiến hành công tác khai thác và các yếu tố khác ảnh hưởng tới sức khoẻ con người.

- Phạm vi diện tích không chứa khoáng sản cho phép bố trí các hạng mục công trình sản xuất và sinh hoạt cũng như sử dụng làm bãi thải.

CHƯƠNG 6 CÔNG TÁC TÍNH TRỮ LƯỢNG

- Chỉ tiêu dùng để tính trữ lượng theo Phụ lục báo cáo luận giải chỉ tiêu tạm thời tính trữ lượng khoáng sản;

- Luận giải về tính hợp lý của phương pháp tính trữ lượng được áp dụng;
- Nguyên tắc, cách thức khoan nội thân khoáng tính trữ lượng;
- Phân khối và xếp cấp trữ lượng.
- Xác định các thông số tính trữ lượng.
- Kết quả tính trữ lượng khoáng sản chính, khoáng sản và thành phần có ích đi kèm (nếu có); khối lượng đất bóc, đá kẹp..

Trong trường hợp sử dụng phần mềm chuyên dùng để tính trữ lượng, cần phải mô tả phương pháp, quy trình tính toán đảm bảo khả năng xem xét, kiểm tra và hiệu chỉnh các cơ sở dữ liệu (database) như: tọa độ công trình thăm dò, hành trình lỗ khoan, các trường địa chất, vị trí và kết quả lấy mẫu. Kết quả xác lập mô hình hoá thân khoáng, các đặc trưng về tính dị hướng, biểu đồ variogram, xác định kích thước các vi khối tính trữ lượng và các thông số liên quan (chiều dày, hàm lượng, diện tích của chúng). Quá trình và kết quả tính toán phải trình bày sao cho dễ theo dõi và thẩm định tại Hội đồng.

Đối với than, luận giải thêm về ranh giới tính, cơ sở lập luận về ranh giới tính; sự phân chi khu thăm dò cho khai thác lộ thiên, hầm lò; ranh giới kỹ thuật an toàn cơ sở tính toán xác định. Đối với mỏ đang khai thác phải thông kê trữ lượng than khấu trừ.

CHƯƠNG 7

HIỆU QUẢ CÔNG TÁC THĂM DÒ

- Chi phí chung cho công tác thăm dò, trong đó những hạng mục công việc chính được trình bày chi tiết;
- Giá thành thăm dò một tấn (một đơn vị tính) trữ lượng 121 và 122.
- Phân tích tính đúng đắn của các phương pháp công tác đã được áp dụng và những đề nghị để nâng cao hiệu quả thăm dò.

KẾT LUẬN

- Trình bày tóm tắt những nội dung công việc chính đã hoàn thành;
- Kết quả chính báo cáo thăm dò đã đạt được;

- Kết quả tính trữ lượng;
- Công tác nghiên cứu chất lượng và tính chất công nghệ của quặng;
- Điều kiện ĐCTV - ĐCCT.
- Đánh giá triển vọng chung của mỏ và kiến nghị công tác nghiên cứu tiếp theo.

DANH MỤC CÁC TÀI LIỆU THAM KHẢO

Liệt kê các tài liệu đã xuất bản, các nguồn lưu trữ và các nguồn khác đã được sử dụng khi thành lập báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản trình Hội đồng ĐGTLKSQG. Nêu tên tài liệu, tác giả, năm và nơi xuất bản (thành lập).

PHỤ LỤC BÁO CÁO

1. Báo cáo luận giải chỉ tiêu tạm thời tính trữ lượng khoáng sản

- Khái quát về mỏ và khu vực thăm dò khoáng sản;
- Đặc điểm cấu tạo địa chất mỏ;
- Công tác thăm dò đã tiến hành;
- Cơ sở lựa chọn các thông số chỉ tiêu tạm thời tính trữ lượng khoáng sản xác định trên cơ sở các số liệu về địa chất mỏ, thành phần vật chất và tính chất công nghệ của quặng, điều kiện kỹ thuật khai thác mỏ thu thập được trong quá trình thăm dò; các tiêu chuẩn nhà nước, tiêu chuẩn ngành, các yêu cầu công nghiệp và các chỉ tiêu tạm thời tính trữ lượng áp dụng cho các mỏ có cấu tạo địa chất, thành phần vật chất và điều kiện khai thác tương tự đang khai thác hoặc đã thăm dò trong vùng. Các thông số cần luận giải trong báo cáo:
 - a) Chỉ tiêu về chất lượng khoáng sản:
 - Hàm lượng biên các thành phần có ích (hoặc quy đổi về hàm lượng của một thành phần có ích chính quy ước đối với mỏ tổng hợp). Hàm lượng biên của các thành phần có ích quy định cho mẫu đơn khi ranh giới thân khoáng không rõ ràng;
 - Hàm lượng công nghiệp tối thiểu thành phần có ích (hoặc quy đổi về hàm lượng của một thành phần có ích chính quy ước đối với mỏ tổng hợp). Hàm lượng công nghiệp tối thiểu quy định cho các khối tính trữ lượng khoáng sản. Trường hợp đặc biệt có thể quy định cho nhóm khối trữ lượng hoặc toàn mỏ;

- Hàm lượng tối đa đối với thành phần có hại. Chỉ tiêu này quy định cho mẫu đơn và khối tính trữ lượng hoặc toàn mỏ;

- Hệ số chứa quặng tối thiểu trong khối tính trữ lượng. Chỉ tiêu này áp dụng cho các mỏ có sự phân bố khoáng sản có ích không liên tục hoặc dạng ổ, khi trữ lượng đạt chỉ tiêu không thể khoan nổi riêng trên cơ sở các tiêu chuẩn địa chất hoặc điều kiện kinh tế kỹ thuật và việc tính trữ lượng phải thực hiện bằng phương pháp xác suất trong phạm vi đới quặng (vĩa quặng, thân quặng);

b) Chỉ tiêu về chiều dày tính trữ lượng:

- Chiều dày tối thiểu thân khoáng (vĩa, thân, mạch quặng, hoặc tích mét phần trăm tối thiểu (hoặc gam.met tối thiểu));

- Chiều dày tối đa cho phép của lớp đá hoặc quặng không đạt chỉ tiêu nằm bên trong thân khoáng được khoan vào ranh giới tính trữ lượng;

- Chiều sâu tối đa tính trữ lượng, chiều dày giới hạn của đá phủ hoặc hệ số bóc đất tối đa.

Ngoài các nội dung trên, tùy thuộc vào đặc điểm cấu tạo địa chất, điều kiện kỹ thuật khai thác mỏ, loại khoáng sản, thành phần vật chất khoáng sản, lĩnh vực sử dụng và yêu cầu công nghiệp cần bổ sung thêm các quy định vào chỉ tiêu cho phù hợp với từng đối tượng cụ thể.

Kết quả tính trữ lượng theo các phương án hàm lượng đã lựa chọn; so sánh và đề xuất chỉ tiêu tạm thời tính trữ lượng tối ưu cho mỏ.

2. Phụ lục bảng tính:

a) *Các phụ lục thống kê:*

Bảng thống kê các công trình khai đào và lỗ khoan đã thi công; công trình khai đào và khoan không sử dụng để tính trữ lượng, nguyên nhân; bảng thống kê toạ độ và độ cao các lỗ khoan và công trình khai đào, các điểm cắt của các công trình thăm dò tại vách và trụ thân khoáng. Bảng thống kê chất lượng khoan và khai đào (tỷ lệ mẫu lõi khoan, kết quả kiểm tra khoan bằng công trình khai đào, số liệu đo độ cong lỗ khoan). Trong trường hợp sử dụng phương pháp thăm dò và lấy mẫu địa vật lý cũng cần lập các bảng thống kê kết quả đo. Bảng thống kê kết quả phân tích các loại (hoá, khoáng vật, cơ lý, các phân tích khác). Bảng thống kê và tính toán ĐCTV, ĐCCT, khí tượng thuỷ văn.

b) *Các phụ lục bảng tính:*

Thứ tự các bảng phải phù hợp với trình tự tính toán các thông số trữ lượng và phải gồm đầy đủ số liệu gốc và số liệu trung gian. Tùy theo phương pháp tính trữ lượng đã được áp dụng mà thành lập các bảng tính thích hợp; thông thường cần có các bảng tính sau:

- Bảng tính toán sai số phân tích mẫu các loại;
- Bảng tính thông số trung bình chiều dày, hàm lượng và các thông số khác theo công trình, theo khối và theo thân khoáng.
- Bảng thống kê kết quả đo diện tích.
- Bảng tính trữ lượng theo khối, thân quặng, theo loại quặng tự nhiên hoặc công nghiệp (khoáng sản chính, thành phần có ích đi kèm).
- Bảng tổng hợp trữ lượng.

3. Các bản vẽ kèm theo báo cáo

Các bản vẽ phải thành lập với số lượng ít nhất nhưng đảm bảo đưa vào đầy đủ nhất các tài liệu, thông tin, số liệu thăm dò và thể hiện rõ cấu trúc, hình dáng, kích thước và thể nằm của thân khoáng, đặc điểm địa chất, ĐCTV và ĐCCT của mỏ.

Bản vẽ phải thành lập rõ ràng, chính xác, đảm bảo tính thống nhất.

Dưới đây là các bản vẽ chủ yếu trong một báo cáo:

- Bản đồ vị trí giao thông khu mỏ tỷ lệ 1:100.000 - 1.200.000 (có thể đưa vào tập thuyết minh);
- Bản đồ địa chất khu vực tỷ lệ 1:10.000 - 1:50.000 kèm theo cột địa tầng và mặt cắt qua mỏ;
- Bản đồ địa chất (hoặc địa chất - địa vật lý) mỏ tỷ lệ 1:1000 - 1:10.000 (đối với các mỏ sa khoáng là bản đồ trầm tích đệ tứ, bản đồ địa mạo tỷ lệ 1:1000 - 1:10.000) kèm theo mặt cắt địa chất;
- Mặt cắt địa chất theo các tuyến thăm dò có tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ bản đồ địa chất;
- Bình đồ địa chất, bình đồ lấy mẫu theo tầng (trong trường hợp các công trình thăm dò bố trí theo tầng);
- Các bình đồ đồng đẳng vách trụ vỉa (thân khoáng). Bình đồ đồng đẳng hàm lượng thành phần có ích chính, đi kèm, tạp chất có hại. Bình đồ đồng đẳng chiều dày

via (thân khoáng), chiều dày đất phủ. Các bình đồ này có tỷ lệ tương ứng với bản đồ địa chất mỏ;

- Biểu đồ nghiên cứu địa vật lý mỏ, bình đồ đo vẽ địa vật lý chi tiết kèm theo vị trí các tuyến; các kết quả xử lý các dị thường đã phát hiện. Bình đồ tổng hợp các dị thường địa vật lý, tỷ lệ 1:2.000 - 1:10.000 dựa theo số liệu nghiên cứu, địa vật lý tổng hợp và ranh giới thân khoáng. Các mặt cắt địa vật lý - địa chất. Các giản đồ karota lỗ khoan;

- Các bình đồ, hình chiếu dọc và mặt cắt tính trữ lượng. Trên các bản vẽ tính trữ lượng phải thể hiện ranh giới các khối tính. Đối với từng khối phải ghi số hiệu và cấp trữ lượng. Con số trữ lượng, hàm lượng trung bình và trữ lượng các khoáng sản có ích chính và đi kèm hoặc các chỉ tiêu về chất lượng trung bình khác được quy định trong chỉ tiêu. Tại các mỏ đang khai thác, trên các bản vẽ này phải đưa ranh giới trữ lượng tính theo số liệu trắc địa mỏ;

- Các thiết độ lỗ khoan và công trình thăm dò tỷ lệ 1:50 - 1:1000 (có thể đóng thành tập)

- Bản đồ địa chất thủy văn khu vực tỷ lệ 1:10.000 - 1:50.000 (khi trong báo cáo có phần ĐCTV khu vực); bản đồ tài liệu thực tế ĐCTV, ĐCCT tỷ lệ 1:1000 - 1:10.000. Bản đồ địa chất thủy văn, ĐCCT mỏ tỷ lệ 1:1000 - 10.000.

- Các mặt cắt ĐCTV, ĐCCT tỷ lệ tương ứng với bản đồ ĐCTV, ĐCCT.

- Các đồ thị khí tượng thủy văn, đồ thị quan trắc động thái nước mặt, nước ngầm. Đồ thị tổng hợp bơm nước thí nghiệm. Các đồ thị quan trắc địa chất công trình (quan trắc trượt lở, bùng nền lò, sụt lún mặt đất v.v...).

- Bản đồ địa hình khu mỏ tỷ lệ 1:1000 - 10.000. Các sơ đồ phân chia các tờ bản đồ được đo vẽ theo những tỷ lệ khác nhau 1:5000 - 1:10.000. Sơ đồ khống chế mặt phẳng, khống chế độ cao tỷ lệ 1:5000 - 1:10.000. Sơ đồ đường sườn kinh vĩ. Sơ đồ vị trí các mốc khống chế mặt phẳng và độ cao từ giải tích 3 và nivô kỹ thuật trở lên. Sơ đồ mốc và tiêu ngắm; mô tả kích thước và hình dạng của chúng.

Mẫu số 35

(TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐÓNG
CỬA MỎ KHAI THÁC KHOÁNG
SẢN)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số/.....

....., ngày.... tháng.... năm 20....

Kính gửi :

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN
ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN**

(Tên tổ chức, cá nhân)..... Trụ
sở tại:.....

Điện thoại:....., Fax.....

Thực hiện Quyết định số.....ngày.....tháng.....nămcủa Bộ Tài
nguyên và Môi trường (UBND tỉnh...) về việc phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng
sản;

**Xin được báo cáo kết quả hoạt thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản
như sau**

1. Khối lượng thực hiện đề án đóng cửa mỏ:

- Diện tích đề nghị đóng cửa là:.....(ha, km²).

- Diện tích đề nghị được tiếp tục hoạt động khai thác là:....(ha, km²) (đối với
trường hợp đóng cửa một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản.

.....

2. Đánh giá chung và đề xuất, kiến nghị

Đánh giá chung về tình hình thực hiện đề án đóng cửa mỏ so với Quyết định
phê duyệt đề án đóng cửa mỏ. Lý do hoàn thành (hoặc không hoàn thành) các nội
dung của Quyết định phê duyệt đề án đóng cửa mỏ. Các đề xuất, kiến nghị liên quan.

Tài liệu gửi kèm theo:

- Bản đồ hiện trạng mỏ;

- Mặt cắt hiện trạng (đặc trưng) tại thời điểm lập báo cáo.

Tổ chức, cá nhân

(Ký tên, đóng dấu)

TỔNG CỤC ĐỊA CHẤT VÀ
KHOÁNG SẢN/ SỞ TÀI NGUYÊN
VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH...

CỘNG HÒA XHCN VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỔNG CỤC ĐỊA CHẤT VÀ
KHOÁNG SẢN/ SỞ TÀI NGUYÊN
VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH...

CỘNG HÒA XHCN VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày / /

....., ngày / /

PHIẾU HẸN GIẢI QUYẾT HỒ SƠ HOẠT ĐỘNG KHOÁNG SẢN

PHIẾU HẸN GIẢI QUYẾT HỒ SƠ HOẠT ĐỘNG KHOÁNG SẢN

Tổng cục ĐC&KS (sở TN&MT tỉnh...) đã nhận của ông (bà, tổ chức):

ĐT:

Tên/loại hồ sơ: Loại khoáng sản:

Địa danh khu vực (mỏ) khoáng sản:

Gồm các loại giấy tờ sau:

Gồm các loại giấy tờ sau:



Ngày hẹn đến giải quyết hồ sơ.....

**Ghi chú: Đề nghị mang theo giấy này khi đến làm việc*

Người nộp hồ sơ
(Ký, họ tên)

**Chuyên viên tiếp
nhận hồ sơ**
(Ký, họ tên)

**TL. Tổng cục trưởng
(GD sở)
Chánh Văn phòng
TN&TKQ**
(Ký, họ tên)

Người nộp hồ sơ
(Ký, họ tên)

**Chuyên viên tiếp
nhận hồ sơ**
(Ký, họ tên)

**TL. Tổng cục trưởng
(GD sở)
Chánh Văn phòng
TN&TKQ**
(Ký, họ tên)

Mẫu số 37

TỔNG CỤC ĐỊA CHẤT VÀ
KHOÁNG SẢN/ SỞ TÀI NGUYÊN
VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH...

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: / , ngày tháng năm.....

PHIẾU TIẾP NHẬN HỒ SƠ HOẠT ĐỘNG KHOÁNG SẢN

Tổng cục Địa chất và Khoáng sản (sở TN&MT tỉnh...) nhận của ông (bà), tổ chức:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Tên/loại hồ sơ:..... Loại khoáng sản:.....

Địa danh khu vực (mỏ) khoáng sản:.....

Hồ sơ gồm có:

.....
.....
.....
.....
.....

(Hoặc chi tiết văn bản, tài liệu trong phụ lục kèm theo)

NGƯỜI NỘP HỒ SƠ
(Ký, họ tên)

**CHUYÊN VIÊN TIẾP
NHẬN HỒ SƠ**
(Ký, họ tên)

**TL. TỔNG CỤC TRƯỞNG
(GIÁM ĐỐC SỞ)
CHÁNH VĂN PHÒNG TN&TKQ**
(Ký, họ tên)